

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Phạm Hồng Nhung**

Giảng viên hướng dẫn : **TS. Nguyễn Thị My**

HẢI PHÒNG – 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ
THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH AN
MINH THỊNH

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Phạm Hồng Nhung**

Giảng viên hướng dẫn : **TS. Nguyễn Thị My**

HẢI PHÒNG - 2013

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

-Nghiên cứu lý luận chung về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.

-Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH An Minh Thịnh .

-Đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty TNHH An Minh Thịnh .

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

-Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty TNHH An Minh Thịnh trong vòng 3 năm gần đây .

-Số liệu về thực trạng tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty TNHH An Minh Thịnh .

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: Công ty TNHH An Minh Thịnh

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Thị My**

Học hàm, học vị: **Tiến sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường ĐH Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp.
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH An Minh Thịnh
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

TS. Nguyễn Thị My

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

- 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên: Ngày sinh:/...../.....

Lớp: Ngành: Khóa.....

Thực tập tại:

Từ ngày:/...../... đến ngày/...../...

1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:

.....
.....
.....
.....

2. Về những công việc được giao:

.....
.....
.....
.....

3. Kết quả đạt được:

.....
.....
.....
.....

....., ngày tháng năm 2013

Xác nhận của lãnh đạo
cơ sở thực tập

Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

1.Sự cần thiết.....	1
2.Mục đích nghiên cứu.....	3
3.Đối tượng nghiên cứu.....	3
4.Phương pháp nghiên cứu.....	3
5.Bố cục khóa luận.....	4

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT,GIÁ THÀNH SẢN PHẨM VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP5

1.1.Sự cần thiết tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.....	5
1.1.1. Yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.....	5
1.1.2. vai trò và nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	5
1.1.2.1. Vai trò.....	5
1.1.2.2. Nhiệm vụ	6
1.1.3. Đặc điểm của doanh nghiệp xây lắp và sản phẩm xây lắp.....	6
1.2 . Những vấn đề chung về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....	8
1.2.1. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.....	8
1.2.1.1. Khái niệm.....	8
1.2.1.2. Bản chất và nội dung của chi phí.....	8

1.2.1.3. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất	9
1.2.1.4. Phân loại chi phí sản xuất trong xây lắp	10
1.2.1.5. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.....	12
1.2.2. Giá thành sản phẩm xây lắp.....	13
1.2.2.1. Khái niệm	14
1.2.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp	14
1.2.2.3. Đối tượng tính giá thành	16
1.2.2.4. Kỳ tính giá thành sản phẩm	17
1.2.2.5. Phương pháp tính giá thành.....	17
1.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp.	19
1.3. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	20
1.3.1. Kế toán chi phí sản xuất	20
1.3.1.1 Nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.....	20
1.3.1.2. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	21
1.3.1.3 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	23
1.3.1.4. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công	24
1.3.1.5. Kế toán chi phí sản xuất chung và phân bổ chi phí sản xuất chung	27
1.4. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.....	31
1.4.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp....	31
1.4.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương	32
1.4.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50% chi phí chế biến	33

1.4.4. Đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp định mức	33
1.5. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....	34
1.6. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán.....	36
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH AN MINH THỊNH.....	42
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH An Minh Thịnh.....	42
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	42
2.1.1.1. Thông tin chung.....	42
2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển.....	42
2.1.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH An Minh Thịnh trong quá trình hoạt động.....	45
2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý trong công ty TNHH An Minh Thịnh	50
2.1.2.1. Các chính sách và quy định quản lý.....	50
2.1.2.2. Cơ cấu tổ chức.....	51
2.1.2.3. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận	51
2.1.3. Công tác kế toán trong công ty.....	52
2.1.3.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.....	52
2.1.3.2. Hình thức kế toán và sổ sách áp dụng.....	53
2.1.4. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm tại Công ty.....	54
2.1.4.1. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....	54

2.1.4.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm.....	55
2.1.4.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm	56
2.2. Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất tại công ty TNHH An Minh Thịnh.....	57
2.2.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty TNHH An Minh Thịnh.....	57
2.2.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty TNHH An Minh Thịnh.....	64
2.2.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty TNHH An Minh Thịnh.....	70
2.2.4. Tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH An Minh Thịnh.....	79

CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH AN MINH THỊNH

.....	84
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty	84
3.1.1 Ưu điểm.....	84
3.1.2. Nhược điểm.....	86
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty.....	87
3.2.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty	87

3.2. 2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH An Minh Thịnh	89
3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH An Minh Thịnh.....	90
3.2.3.1. Kiến nghị 1: Về việc tập hợp chi phí nguyên vật liệu.....	90
3.2.3.2. Kiến nghị 2: Về việc xây dựng đội ngũ công nhân cán cốt.....	92
3.2.3.3. Kiến nghị 3: Về việc hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán	92

KẾT LUẬN

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Trình tự kế toán chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp.....	22
Sơ đồ 1.2: Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	24
Sơ đồ 1.3 :Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công.....	26
Sơ đồ 1.4: Trình tự kế toán chi phí sản xuất chung.....	30
Sơ đồ 1.5 : Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....	35
Sơ đồ 1. 6: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	37
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	38
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	39
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.....	40
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy tính.....	41
Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức.....	51
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty.....	52
Sơ đồ 2.3: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung.....	54

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<u>Biểu số 2.1</u> Bảng khái quát tình hình tài chính công ty qua 3 năm 2010, 2011,2012.....	48
<u>Biểu số 2.2</u> Hóa đơn mua máy biến áp (HĐGTGT).....	59
<u>Biểu số 2.3</u> Phiếu Nhập kho.....	60
<u>Biểu số 2.4</u> Phiếu Xuất kho	61
<u>Biểu số 2.5</u> Trích Sổ Nhật ký chung liên quan đến chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	62
<u>Biểu số 2.6</u> Trích Sổ chi phí sản xuất kinh doanh –TK 1541.....	63
<u>Biểu số 2.7</u> Bảng chấm công	66
<u>Biểu số 2.8</u> Bảng thanh toán lương	67
<u>Biểu số 2.9</u> Trích Sổ Nhật ký chung liên quan đến chi phí nhân công trực tiếp...	68
<u>Biểu số 2.10</u> Trích Sổ chi phí sản xuất kinh doanh –TK 1542.....	69
<u>Biểu số 2.11</u> Hóa đơn thanh toán tiền thí nghiệm thiết bị điện	71
<u>Biểu số 2.12</u> Phiếu chi số 28.....	72
<u>Biểu số 2.13</u> Bảng phân bổ công cụ dụng cụ.....	73
<u>Biểu số 2.14</u> Phiếu hạch toán số 25	74
<u>Biểu số 2.15</u> Hóa đơn cước vận chuyển	75
<u>Biểu số 2.16</u> Phiếu chi số 32.....	76
<u>Biểu số 2.17</u> Trích Sổ Nhật ký chung liên quan đến chi phí khác	77

<u>Biểu số 2.18</u> Trích Sổ chi phí sản xuất kinh doanh –TK 1543.....	78
<u>Biểu số 2.19</u> Phiếu kế toán số 20	80
<u>Biểu số 2.20</u> Bảng tính giá thành.....	81
<u>Biểu số 2.21.</u> Trích Sổ Nhật ký chung liên quan đến việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành	82
<u>Biểu số 2.22</u> Sổ Cái TK 154	83
<u>Biểu số 3.1</u> Bảng theo dõi thực tế nguyên vật liệu sử dụng	91

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khoá luận này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến:

Các thầy giáo, cô giáo dạy trong trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tận tình truyền đạt kiến thức nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên sâu về Kế toán -Kiểm toán và cả kinh nghiệm sống quý báu, thực sự hữu ích cho bản thân em trong thời gian thực tập và cả sau này.

Cô giáo – TS. Nguyễn Thị My đã hết lòng hỗ trợ và giúp đỡ em từ khâu chọn đề tài, cách thức tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập cho đến khi hoàn thành khoá luận.

Các cô, bác làm việc tại Công ty TNHH AN Minh Thịnh đã tạo cho em cơ hội được thực tập tại phòng Tài chính - Kế toán của công ty. Các cô, bác của các bộ phận đặc biệt là cô Bùi Thị Hường - Kế toán trưởng của công ty đã nhiệt tình hướng dẫn và cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu, giúp em hoàn thiện khoá luận này đúng thời hạn và nội dung quy định.

Cuối cùng, em chúc các thầy cô cùng các cô, bác làm việc tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đầu tư Hải Phòng dồi dào sức khoẻ, thành công, hạnh phúc trong cuộc sống.

Em xin chân thành cảm ơn!

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Hoà nhập cùng sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp đã và đang nỗ lực để đảm bảo sự tồn tại và phát triển của mình thông qua các chiến lược và kết quả sản xuất kinh doanh. Khi phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại một doanh nghiệp sản xuất, thì chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng. Để có được những số liệu trên, chúng ta không thể không nhắc tới vai trò to lớn của hạch toán kế toán. Thông qua số liệu do bộ phận kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành cung cấp, nhà quản lý doanh nghiệp biết được chi phí và giá thành thực tế của từng loại sản phẩm, nhóm sản phẩm, của hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác trong doanh nghiệp. Qua đó, nhà quản lý có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm, tình hình sử dụng lao động, vật tư, tiền vốn có hiệu quả, để từ đó có đề ra các quyết định phù hợp với sự phát triển sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Việc phân tích đánh giá đúng đắn kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chỉ có thể dựa trên giá thành sản phẩm chính xác. Về phần mình, tính chính xác của giá thành sản phẩm lại chịu ảnh hưởng của kết quả tổng hợp chi phí sản xuất. Do vậy tổ chức tốt công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm để đảm bảo xác định đúng nội dung, phạm vi chi phí cấu thành trong giá thành, xác định đúng lượng giá trị các yếu tố chi phí đã dịch chuyển vào sản phẩm hoàn thành là yêu cầu cấp bách và ngày càng phải hoàn thiện đổi mới công tác đó là rất cần thiết đối với doanh nghiệp

Như chúng ta đã biết, xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất độc lập có chức năng tái sản xuất tài sản cố định cho tất cả các ngành cho nền kinh tế quốc dân. Nó tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất, tăng tiềm lực kinh tế và Quốc phòng của đất nước. Góp phần quan trọng trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất

nước. Tuy nhiên so với các ngành khác, ngành xây dựng cơ bản có những đặc điểm kinh tế kỹ thuật khác, điều này được thể hiện ở quá trình tạo ra sản phẩm của ngành, đó là sản phẩm xây lắp. Sản phẩm xây lắp là công trình, vật liệu kiến trúc ...có quy mô lớn, kết cấu phức tạp thời gian sản xuất kéo dài, do đó việc vậy việc tổ chức quản lý và hạch toán nhất thiết phải có các dự toán thiết kế, thi công... Sản phẩm xây lắp thường cố định tại nơi sản xuất còn các điều kiện sản xuất phải di chuyển theo địa điểm đặt công trình, từ đó mà công tác quản lý, sử dụng, hạch toán vật tư, tài sản cũng trở nên phức tạp. Quá trình từ khi khởi công công trình đến khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng là khoảng thời gian tương đối dài, nó phụ thuộc vào quy mô, tính chất phức tạp về kỹ thuật của từng công trình. Quá trình thi công được chia làm nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn lại bao gồm nhiều công việc khác nhau. Các công việc chủ yếu thực hiện ở ngoài trời nên nó chịu ảnh hưởng lớn của điều kiện thiên nhiên, thời tiết làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình, vì vậy quá trình tập hợp chi phí kéo dài, phát sinh nhiều chi phí ngoài dự toán, chi phí không ổn định và phụ thuộc vào từng giai đoạn thi công.

Sản phẩm xây lắp rất đa dạng nhưng lại mang tính đơn chiếc. Mỗi công trình được tiến hành thi công theo theo đơn đặt hàng cụ thể, phụ thuộc vào yêu cầu của khách hàng và theo thiết kế kỹ thuật của công trình đó. Khi thực hiện các đơn vị xây lắp phải bàn giao đúng tiến độ, đúng thiết kế kỹ thuật, đảm bảo chất lượng công trình. Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá trị dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư từ khi ký kết hợp đồng, do đó tính chất hàng hoá của sản phẩm xây lắp thể hiện không rõ. Nếu quản lý tốt chi phí thì doanh nghiệp sẽ giảm được chi phí và tăng lợi nhuận. Chính những đặc trưng riêng của ngành xây dựng cơ bản đã có tác động lớn đến việc tổ chức kế toán. Và việc kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp không nằm ngoài tầm quan trọng trong công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm nói chung. Ngoài ra nó còn đòi hỏi những yêu cầu khắt

khe hơn nhiều vì những sản phẩm đó mang trong mình giá trị và giá trị sử dụng rất lớn. Nhận thức rõ được điều này, em đã chọn nghiên cứu đề tài:

“ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH An Minh Thịnh ”.

2. Mục đích nghiên cứu

Em hy vọng rằng qua thời gian nghiên cứu em có dịp tiếp cận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng trong doanh nghiệp, cụ thể là doanh nghiệp xây lắp, để em có thể hiểu rõ hơn, trau dồi và bổ sung thêm về những kiến thức mà em đã học tập được trong nhà trường.

3. Đối tượng nghiên cứu

Với đề tài này, em sẽ nghiên cứu về cách kế toán tập hợp chi phí sản xuất như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung; nghiên cứu về cách đánh giá sản phẩm dở dang, phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây lắp nói chung. Sau đó em sẽ nghiên cứu cụ thể hoá vào Công ty thông qua một hoặc vài công trình đã thi công để xem xét trong thực tế Công ty hạch toán như thế nào, từ hoá đơn chứng từ cho đến cách vào sổ. Qua đó có thể thấy được các ưu điểm và hạn chế trong phần hành kế toán này, để mạnh dạn đề ra phương hướng khắc phục.

4. Phương pháp nghiên cứu

Bằng phương pháp nghiên cứu khoa học, kết hợp với những kiến thức được trang bị từ nhà trường nói chung, kiến thức về hạch toán kế toán nói riêng, để dựa vào các hoá đơn, chứng từ phát sinh xem cách hạch toán của đơn vị về các chỉ tiêu chi phí, xem xét về mặt giá trị và nguồn gốc phát sinh, để biết chi phí nào thì được hạch toán vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công chi phí sản xuất chung; tại

sao lại được hạch toán như vậy và các chi phí đó đã cấu thành lên sản phẩm như thế nào để từ đó có thể rút ra các kết luận cụ thể hơn, tổng quát hơn.

5. Bố cục khóa luận

Trong bài này, ngoài phần mở đầu kết luận, các bảng biểu phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, khóa luận gồm ba chương:

Chương 1: Lý luận chung về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm và tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH An Minh Thịnh

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH An Minh Thịnh.

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT, GIÁ THÀNH SẢN PHẨM VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1. Sự cần thiết tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp

1.1.1. Yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp

Như chúng ta đã biết, một trong những yếu tố cần thiết đem lại thành công cho doanh nghiệp, đó là khâu quản lý. Không những yêu cầu quản lý tốt về mặt tình hình chung mà còn cả đối với các mặt cụ thể diễn ra trong quá trình hoạt động kinh doanh. Trong đó yêu cầu đối với chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất đóng vai trò rất quan trọng, vì chúng thể hiện hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp, do đó chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải được quản lý chặt chẽ, linh hoạt từ khâu lập dự toán, trong giai đoạn phát sinh đến khi tổng hợp cuối kì để vừa đầu tư chi phí hợp lý - cơ sở để tính giá thành sản phẩm xây lắp - vừa đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.1.2.1. Vai trò

Nền kinh tế thị trường với những đổi mới thực sự trong cơ chế quản lý kinh tế - tài chính đã khẳng định vai trò, vị trí của kế toán trong quản trị doanh nghiệp. Bằng những số liệu cụ thể, chính xác, khách quan và khoa học, kế toán được coi là một công cụ để điều hành, quản lý các hoạt động, tính toán hiệu quả kinh tế và kiểm tra bảo vệ, sử dụng tài sản vật tư, tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh và tự chủ về tài chính. Trong đó vai trò kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm cũng không kém phần quan trọng. Thông qua số liệu hạch toán chi phí sản xuất và tính giá

thành do bộ phận kế toán cung cấp, các nhà lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp biết được chi phí và giá thành thực tế từng công trình, hạng mục công trình, để phân tích và đánh giá tình hình thực hiện các định mức, dự toán chi phí, tình hình sử dụng lao động, vật tư, tiền vốn, tiết kiệm hay lãng phí, tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm, từ đó đề ra các biện pháp hữu hiệu kịp thời nhằm hạ thấp chi phí và giá thành sản phẩm xây lắp đồng thời đảm bảo được yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm.

1.1.2.2 . Nhiệm vụ

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý kinh tế, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành có các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tính giá thành phù hợp với đặc điểm quy trình công nghệ đặc điểm tổ chức sản xuất của doanh nghiệp.
- Tổ chức tập hợp và phân bổ từng loại chi phí sản xuất theo đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất để xác định bằng phương pháp thích hợp đã chọn.
- Xác định chính xác chi phí của sản phẩm dở dang cuối kỳ.
- Thực hiện tính giá thành sản phẩm kịp thời, chính xác theo đúng đối tượng tính giá thành và phương pháp tính giá thành hợp lý.
- Định kỳ, cung cấp các báo cáo về chi phí sản xuất và tính giá thành cho lãnh đạo doanh nghiệp và tiến hành phân tích tình hình thực hiện định mức, dự toán chi phí sản xuất, tình hình thực hiện kế hoạch, giá thành, đề xuất các kiến nghị cho lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra các quyết định thích hợp, trước mắt cũng như lâu dài đối với sự phát triển kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.3 . Đặc điểm của doanh nghiệp xây lắp và sản phẩm xây lắp

Xây dựng là ngành sản xuất vật chất độc lập, quan trọng mang tính chất công nghiệp nhằm tạo ra cơ sở vật chất cho nền kinh tế quốc dân. Công tác xây dựng cơ bản thường do các đơn vị xây lắp nhận thầu tiến hành. Cũng như

mọi ngành sản xuất vật chất khác, hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng cơ bản thực chất là biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm. Song sản phẩm và quá trình tạo ra sản phẩm ngành xây dựng có những đặc thù riêng chi phối nhiều đến công tác hạch toán kế toán của mỗi doanh nghiệp trong ngành, đặc biệt là trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Cụ thể đó là:

Sản phẩm của xây lắp là những công trình, hạng mục công trình, vật kiến trúc có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính đơn chiếc, thời gian xây dựng thường dài nên việc tổ chức quản lý và hạch toán nhất thiết phải có các dự toán thiết kế, thi công. Sản phẩm xây lắp mang tính chất cố định gắn liền với địa điểm xây dựng, tuy nhiên địa điểm xây dựng lại luôn thay đổi theo địa điểm đặt sản phẩm. Như vậy các điều kiện sản xuất như con người, máy móc thiết bị, công cụ lao động phải di chuyển theo địa điểm. Chính do đặc điểm này nên các doanh nghiệp xây lắp thường phát sinh nhiều chi phí để di chuyển lực lượng thi công, chi phí xây dựng công trình tạm phục vụ thi công.

Sản phẩm xây lắp được thực hiện theo đơn đặt hàng do đó thường được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá cả thoả thuận với chủ đầu tư từ trước, vì vậy tính chất hàng hoá của sản phẩm thể hiện không rõ.

Quá trình từ khi khởi công xây dựng cho đến khi công trình hoàn thành bàn giao đi vào sử dụng thường dài, phụ thuộc vào quy mô và tính chất phức tạp về kỹ thuật của từng công trình. Quá trình thi công được chia thành nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn gồm nhiều công việc khác nhau mà việc thực hiện chủ yếu tiến hành ngoài trời do vậy chịu ảnh hưởng của các điều kiện thiên nhiên, khách quan, từ đó ảnh hưởng đến việc quản lý tài sản: vật tư, máy móc dễ bị hư hỏng và ảnh hưởng đến tiến độ thi công.

Những đặc điểm hoạt động kinh doanh, đặc điểm sản phẩm, đặc điểm tổ chức sản xuất và quản lý ngành nói trên chi phối đến công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp dẫn đến những khác biệt nhất định. Vì vậy

hiện nay các doanh nghiệp xây lắp ở nước ta thường tổ chức sản xuất theo phương thức khoán gọn công trình, hạng mục công trình, khối lượng hoặc công việc cho các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp. Trong giá khoán gọn không chỉ có tiền lương mà còn có đủ các chi phí về vật liệu, công cụ dụng cụ thi công, chi phí chung của bộ phận nhận khoán.

1.2 . Những vấn đề chung về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.1. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.1.1. Khái niệm

Trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hoá và các hao phí cần thiết khác để thực hiện sản xuất thi công trong một thời kỳ nhất định. Chi phí sản xuất đó rất đa dạng gồm nhiều loại với nội dung kinh tế, công dụng và mục đích khác nhau trong mỗi giai đoạn của quá trình thi công xây lắp.

1.2.1.2. Bản chất và nội dung của chi phí

Sự phát triển của xã hội loài người gắn liền với quá trình sản xuất hàng hoá, là sự kết hợp của ba yếu tố: tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Quá trình sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng cũng vậy, đó là quá trình chuyển biến của vật liệu xây dựng thành sản phẩm dưới sự tác động của máy móc, thiết bị cùng sức lao động của công nhân. Nói cách khác, các yếu tố về tư liệu lao động, đối tượng lao động (hao phí lao động vật hoá) dưới sự tác động có mục đích của sức lao động (hao phí về lao động sống) qua quá trình thi công sẽ trở thành sản phẩm xây dựng, khi tất cả những hao phí này được thể hiện dưới hình thái giá trị thì đó gọi là chi phí sản xuất.

Như vậy, chi phí sản xuất chính là thước đo giá trị (bằng tiền) của tất cả các yếu tố đầu vào để cấu tạo lên sản phẩm xây lắp. Đó là những phí tổn về sức lao động, vật tư, tiền vốn. Từ đó ta thấy được chi phí khác với chi tiêu và cũng khác với vốn. Chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất và được bù đắp

bằng thu nhập hoạt động sản xuất kinh doanh; chi tiêu là việc dùng tiền để chi cho các hoạt động ngoài sản xuất kinh doanh, có thể lấy từ các quỹ của doanh nghiệp và không được bù đắp. Còn vốn là biểu hiện bằng tiền của tất cả tài sản được sử dụng vào hoạt động sản xuất với mục đích sinh lời nhưng không phải đều là phí tổn.

1.2.1.3. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất phát sinh luôn gắn liền với nơi diễn ra hoạt động sản xuất và với sản phẩm được sản xuất (công trình, hạng mục công trình) nên đề tập hợp được chi phí sản xuất kế toán cần xác định đúng đắn đối tượng tập hợp chi phí sản xuất để từ đó thực hiện kiểm soát chi phí, tính giá thành sản phẩm, tổng hợp chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất được xác định là phạm vi (giới hạn) để tập hợp các chi phí sản xuất phát sinh.

Xác định đối tượng tập hợp chi phí là khâu đầu tiên, đặc biệt quan trọng đối với kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Để xác định đúng đắn đối tượng tập hợp chi phí sản xuất doanh nghiệp cần dựa theo một số tiêu thức sau:

- Tính chất sản xuất, loại hình sản xuất, đặc điểm của quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm: sản xuất giản đơn hay phức tạp, đơn chiếc hay hàng loạt...;
- Đặc điểm tổ chức sản xuất: trong các doanh nghiệp xây dựng thường là phương thức khoán.
- Yêu cầu tính giá thành, yêu cầu quản lý chi phí, khả năng và trình độ tổ chức hạch toán của doanh nghiệp...

Các doanh nghiệp xây lắp do có tính đặc thù riêng về tính chất, đặc điểm sản xuất kinh doanh, đặc điểm sản phẩm, có quy trình công nghệ phức tạp, loại hình sản xuất đơn chiếc, sản xuất thi công theo đơn đặt hàng... Nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường được xác định là từng công trình, hạng mục công trình theo từng đơn đặt hàng và từng đơn vị thi công.

1.2.1.4. Phân loại chi phí sản xuất trong xây lắp

Ở tầm quản lý chung, người ta thường quan tâm đến việc doanh nghiệp chi ra trong kỳ những loại chi phí nào, với lượng là bao nhiêu. Và để thuận lợi cho công tác quản lý, hạch toán thì cần phải phân loại chi phí sản xuất. Việc phân loại chi phí sản xuất được tiến hành dựa trên nhiều tiêu thức khác nhau tùy thuộc vào mục đích và yêu cầu cụ thể của từng doanh nghiệp. Mỗi cách phân loại đều có công dụng nhất định đối với công tác quản lý, hạch toán, kiểm tra, kiểm soát chi phí. Sau đây em xin đưa ra một số cách phân loại chi phí sản xuất được sử dụng phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp:

a, Phân loại chi phí sản xuất theo các yếu tố chi phí.

Theo cách phân loại này chi phí sản xuất được chia thành các yếu tố như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu: gồm vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng, phế liệu, công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất kinh doanh và thiết bị xây dựng cơ bản, chi phí nhiên liệu, động lực;
- Tiền lương và phụ cấp thường xuyên của công nhân viên;
- Các khoản trích theo lương: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn;
- Khấu hao tài sản cố định: máy móc thiết bị, nhà văn phòng, nhà kho...;
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: điện, nước, điện thoại...;
- Các chi phí bằng tiền khác: giải phóng mặt bằng, đền bù, bàn giao công trình...

Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố giúp cho việc xây dựng và lập dự toán chi phí sản xuất cũng như lập kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch quỹ tiền lương, tính toán nhu cầu vốn lưu động định mức. Đồng thời, giúp doanh nghiệp đánh giá được tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kỹ thuật và tài chính. Ngoài ra, phân loại chi phí theo yếu tố còn cho phép cơ quan quản lý

cấp trên kiểm tra chi phí sản xuất của doanh nghiệp, hao phí vật chất và thu nhập quốc dân.

b, Phân loại chi phí theo khoản mục trong giá thành sản phẩm.

Chi phí sản xuất được chia thành các khoản mục sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: là chi phí về các loại vật liệu chính, vật liệu phụ, vật kết cấu và các thiết bị đi kèm với vật kiến trúc như thiết bị vệ sinh, thông gió...
- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp kể cả công nhân của doanh nghiệp và công nhân thuê ngoài.
- Chi phí sử dụng máy thi công: là chi phí liên quan đến việc sử dụng máy thi công trực tiếp cho việc thực hiện sản phẩm xây lắp bao gồm: chi phí khấu hao máy thi công, tiền thuê máy thi công, tiền lương của công nhân điều khiển máy thi công; chi phí nhiên liệu, động lực, dầu mỡ dùng cho máy thi công; chi phí sửa chữa máy thi công...
- Chi phí sản xuất chung: là các chi phí khác ngoài các khoản chi phí trên phát sinh ở tổ đội, công trường xây dựng bao gồm: lương nhân viên quản lý đội; các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và tiền ăn ca của công nhân viên toàn đội xây dựng; vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng chung cho đội xây dựng; khấu hao tài sản cố định dùng chung cho đội xây dựng; chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác bằng tiền dùng chung cho đội xây dựng.

Theo cách phân loại này, mỗi loại chi phí thể hiện điều kiện khác nhau của chi phí sản xuất, thể hiện nơi phát sinh chi phí, đối tượng gánh chịu chi phí làm cơ sở cho việc tính giá thành sản phẩm xây lắp theo khoản mục, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành ...

c, Các cách phân loại chi phí khác

Ngoài hai cách phân loại trên chi phí sản xuất xây lắp có thể được phân loại theo mối quan hệ giữa chi phí với đối tượng chịu chi phí. Theo cách phân loại này chi phí sản xuất xây lắp được chia thành 2 loại: Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp. Hoặc người ta phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với khối lượng sản phẩm sản xuất. Theo mối quan hệ này chi phí sản xuất được chia thành: Chi phí bất biến, chi phí khả biến và chi phí hỗn hợp.

1.2.1.5. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

Các doanh nghiệp xây lắp hiện nay sử dụng một số phương pháp khác nhau để tập hợp chi phí sản xuất cho đối tượng đã xác định. Trong đó phổ biến là các phương pháp sau:

- Phương pháp tập hợp trực tiếp chi phí sản xuất: được sử dụng đối với các khoản chi phí trực tiếp - là những chi phí có liên quan trực tiếp đến đối tượng kế toán tập hợp chi phí đã xác định. Công tác hạch toán, ghi chép ban đầu cho phép quy nạp trực tiếp các chi phí này vào từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí có liên quan.
- Phương pháp gián tiếp phân bổ chi phí sản xuất: áp dụng khi một loại chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí nên không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng được. Trường hợp này người ta phải chọn ra một tiêu chuẩn hợp lý để phân bổ chi phí cho các đối tượng liên quan theo công thức:

$$C_i = \frac{\sum C}{\sum_{i=1}^n T_i} \times T_i$$

Trong đó :

C_i : là chi phí sản xuất phân bổ cho đối tượng thứ i

$\sum C$: là tổng chi phí sản xuất đã tập hợp cần phân bổ

$\sum_{i=1}^n T_i$: là tổng đại lượng của tiêu chuẩn dùng để phân bổ

T_i : là đại lượng của tiêu chuẩn dùng để phân bổ đối tượng i

Đại lượng tiêu chuẩn dùng để phân bổ được lựa chọn tùy từng trường hợp cụ thể. Độ tin cậy của thông tin về chi phí phụ thuộc vào tính hợp lý của tiêu chuẩn phân bổ được lựa chọn.

Kết hợp đồng thời với phương pháp tập hợp chi phí trên và để phù hợp với đặc điểm hạch toán của ngành, trong doanh nghiệp xây lắp còn sử dụng một số phương pháp tập hợp chi phí sau:

- Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo sản phẩm (theo công trình, hạng mục công trình): chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp theo từng công trình hạng mục công trình riêng biệt, nếu chi phí sản xuất có liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình thì sẽ được phân bổ theo tiêu thức thích hợp.
- Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo đơn đặt hàng: các chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp theo từng đơn đặt hàng riêng biệt và như vậy tổng số chi phí sản xuất tập hợp được từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành đơn đặt hàng là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.
- Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo đơn vị thi công: chi phí sản xuất phát sinh tại đơn vị thi công nào được tập hợp riêng cho đơn vị đó. Tại mỗi đơn vị thi công, chi phí sản xuất lại được tập hợp theo từng đối tượng chịu chi phí: hạng mục công trình, nhóm hạng mục công trình... Cuối kỳ, tổng số chi phí tập hợp được phải phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình để tính giá thành sản phẩm riêng.

1.2.2. Giá thành sản phẩm xây lắp

1.2.2.1. Khái niệm

Giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ các chi phí tính bằng tiền để hoàn thành khối lượng sản phẩm xây, lắp theo quy định. Sản phẩm xây lắp có thể là kết cấu công việc hoặc giao lại công việc có thiết kế và dự toán riêng, có thể là công trình hay hạng mục công trình.

Giá thành của công trình hay hạng mục công trình là giá thành cuối cùng của sản phẩm xây lắp.

Bản chất: Giá thành chính là thước đo cuối cùng của tất cả các chi phí sản xuất cấu thành nên sản phẩm. Chỉ tiêu giá thành thể hiện kết quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, kết quả của việc sử dụng các yếu tố đầu vào để sản xuất sản phẩm, để từ đó nhà quản lý lựa chọn được các phương án sản xuất sao cho tối ưu nhất.

1.2.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp

Phân loại giá thành giúp cho kế toán nghiên cứu và quản lý, hạch toán tốt giá thành sản phẩm và cũng đáp ứng tốt yêu cầu xây dựng giá cả sản phẩm. Dựa vào tiêu thức khác nhau và xét dưới nhiều góc độ mà người ta phân chia thành các loại khác nhau.

a, Phân loại giá thành xét theo thời điểm tính giá thành

Theo cách phân loại này, giá thành chia làm 3 loại như sau :

- Giá thành dự toán công tác xây lắp

Là toàn bộ các chi phí để hoàn thành khối lượng công tác xây lắp theo dự toán. Như vậy giá thành dự toán là một bộ phận của giá trị dự toán của từng công trình xây lắp riêng biệt, và được xác định từ giá trị dự toán không có phần lợi nhuận định mức.

$$\text{Giá thành dự toán} = \text{Giá trị dự toán} - \text{Lợi nhuận định mức}$$

Hoặc:
$$\text{Giá thành dự toán} = \text{Khối lượng theo thiết kế} \times \text{Đơn giá dự toán}$$

Trong đó, khối lượng xây lắp theo định mức kinh tế kỹ thuật do nhà nước ban hành, đơn giá xây lắp cũng do nhà nước ban hành theo từng khu vực thi công. Giá thành dự toán được xây dựng và tồn tại trong một thời gian nhất định, nó được xác định trong những điều kiện trung bình về sản xuất thi công, về tổ chức quản lý, về hao phí lao động, vật tư...cho từng công trình hoặc công

việc nhất định. Giá thành dự toán có tính cố định tương đối và mang tính chất xã hội.

- Giá thành kế hoạch

Là một loại giá thành công tác xây lắp được xác định từ điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp xây lắp (điều kiện thi công, định mức đơn giá của từng doanh nghiệp).

Giá thành kế hoạch xây lắp là một chỉ tiêu để các doanh nghiệp xây lắp tự phân đấu để thực hiện mức lợi nhuận do hạ giá thành trong kỳ kế hoạch.

$$\text{Giá thành kế hoạch} = \text{Giá thành dự} - \text{Mức hạ giá thành toán}$$

- Giá thành định mức

Là tổng số chi phí để hoàn thành một khối lượng xây lắp cụ thể được tính toán trên cơ sở đặc điểm kết cấu của công trình, về phương pháp tổ chức thi công và quản lý thi công theo các định mức chi phí đã đạt được ở tại doanh nghiệp, công trường tại thời điểm bắt đầu thi công.

- Giá thành thực tế

Là loại giá thành công tác xây lắp được tính toán theo các chi phí thực tế của đơn vị xây lắp đã bỏ ra để thực hiện khối lượng công tác xây lắp và được xác định theo số liệu của kế toán. Về nguyên tắc giá thành thực tế công tác xây lắp không lớn hơn giá thành kế hoạch xây lắp.

b, Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí

Theo cách phân loại này, giá thành chia làm 2 loại như sau :

- Giá thành sản xuất: Là giá thành sản xuất của sản phẩm bao gồm các chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến việc sản xuất chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm, dịch vụ hoàn thành. Giá thành sản xuất được sử dụng để hạch toán thành phẩm nhập

kho và giá vốn hàng bán (trong trường hợp bán thẳng cho khách hàng không qua nhập kho). Giá thành sản xuất là căn cứ để xác định giá vốn hàng bán của các doanh nghiệp.

- Giá thành toàn bộ: Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Do vậy giá thành toàn bộ được tính theo công thức :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành toàn} & = & \text{Giá thành sản xuất} & + & \text{Chi phí} & + & \text{Chi phí} \\ \text{bộ của sản phẩm} & & \text{của sản phẩm tiêu} & & \text{bán hàng} & & \text{quản lý} \\ \text{tiêu thụ} & & \text{thụ} & & & & \end{array}$$

Giá thành toàn bộ chỉ được xác định khi sản phẩm được tiêu thụ. Giá thành toàn bộ là căn cứ để xác định mức lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp.

1.2.2.3. Đối tượng tính giá thành

Xác định đối tượng tính giá thành là công việc đầu tiên trong toàn bộ công việc tính giá thành sản phẩm, nó có ý nghĩa quan trọng, là căn cứ để kế toán mở các bảng chi tiết tính giá thành và tổ chức công tác tính giá thành theo từng đối tượng phục vụ cho việc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành.

Trong sản xuất xây dựng cơ bản, sản phẩm có tính đơn chiếc, đối tượng tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình đã xây dựng hoàn thành. Ngoài ra đối tượng tính giá thành có thể là từng giai đoạn công trình hoặc từng giai đoạn hoàn thành quy ước, tùy thuộc vào phương thức bàn giao thanh toán giữa đơn vị xây lắp và chủ đầu tư.

1.2.2.4. Kỳ tính giá thành sản phẩm

Đối với các doanh nghiệp xây lắp kỳ tính giá thành được xác định như sau:

-Nếu đối tượng tính giá thành là công trình, hạng mục công trình hoàn thành

hoặc theo đơn đặt hàng thì thời điểm tính giá thành là khi công trình, hạng mục công trình hoặc đơn đặt hàng hoàn thành.

-Nếu đối tượng tính giá thành là các hạng mục công trình được quy định thanh toán theo giai đoạn xây dựng thì kỳ tính giá thành là theo giai đoạn xây dựng hoàn thành.

-Nếu đối tượng tính giá thành là những hạng mục công trình được quy định thanh toán định kỳ theo khối lượng từng loại công việc trên cơ sở giá dự toán thì kỳ tính giá thành là theo cuối tháng hoặc cuối quý.

1.2.2.5. Phương pháp tính giá thành

Trong các doanh nghiệp xây dựng thường áp dụng phương pháp tính giá thành sau:

a, Phương pháp tính giá thành trực tiếp (giản đơn):

Đây là phương pháp tính giá thành phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp. Vì hiện nay sản xuất xây lắp mang tính đơn chiếc cho nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường phù hợp với đối tượng tính giá thành. Hơn nữa áp dụng phương pháp này cho phép cung cấp kịp thời số liệu giá thành cho mỗi kỳ báo cáo, cách tính toán thực hiện đơn giản dễ dàng.

Theo phương pháp này thì tất cả các chi phí phát sinh trực tiếp cho một công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính thức là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình đó.

Trong trường hợp công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành toàn bộ mà có khối lượng hoàn thành xây lắp bàn giao thì:

Giá thành thực tế của khối lượng công trình ,hạng mục công trình hoàn thành bàn giao	=	Chi phí thi công xây lắp dở dang đầu kỳ	+	Chi phí thi công xây lắp phát sinh trong kỳ	-	Chi phí thi công xây lắp dở dang cuối kỳ	-	Khoản điều chỉnh giảm giá thành
--	---	---	---	---	---	--	---	---------------------------------

Trong trường hợp chi phí sản xuất tập hợp cho cả công trình nhưng giá thành thực tế phải tính riêng cho từng hạng mục công trình, kế toán có thể căn cứ vào chi phí sản xuất của cả nhóm và hệ số kinh tế kỹ thuật đã quy định cho từng hạng mục công trình để tính giá thành thực tế cho từng hạng mục công trình.

b, Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng

Phương pháp này áp dụng thích hợp trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu xây lắp theo đơn đặt hàng. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành là từng loại đơn đặt hàng.

Theo phương pháp này, hàng tháng chi phí sản xuất thực tế phát sinh được tập hợp theo từng đơn đặt hàng và khi hoàn thành công trình thì chi phí sản xuất thực tế tập hợp được cũng chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.

c, Phương pháp tính giá thành theo định mức

Phương pháp này áp dụng đối với các doanh nghiệp xây dựng thoả mãn các điều kiện sau:

- Phải tính được giá thành định mức trên cơ sở các định mức và đơn giá tại thời điểm tính giá thành;
- Vạch ra được một cách chính xác các thay đổi về định mức trong quá trình thực hiện thi công công trình;

- Xác định được các chênh lệch định mức và nguyên nhân gây ra chênh lệch đó.

Theo phương pháp này giá thành thực tế sản phẩm xây lắp được xác định:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{Giá thành định} & & \text{Chênh lệch} & & \text{Chênh lệch} \\ \text{thực tế của} & = & \text{mức của sản} & \pm & \text{do thay đổi} & \pm & \text{do thoát ly} \\ \text{sản phẩm xây} & & \text{phẩm xây lắp} & & \text{định mức} & & \text{định mức} \\ \text{lắp} & & & & & & \end{array}$$

d, Phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này được áp dụng thích hợp với công việc xây dựng các công trình lớn, phức tạp và quá trình xây lắp sản phẩm có thể chia ra cho các đội sản xuất khác nhau. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đội sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng.

Để tính giá thành sản phẩm cuối cùng phải tổng hợp chi phí sản xuất trừ đi chi phí thực tế của sản phẩm dở dang cuối kỳ của từng đội và cộng thêm chi phí thực tế của sản phẩm dở dang đầu kỳ.

Công thức tính như sau:

$$Z = D_{đk} + C1 + C2 + \dots + Cn - D_{ck}$$

Trong đó:

Z: giá thành thực tế của toàn bộ công trình.

D_{đk}: chi phí thực tế sản phẩm ở dang đầu kỳ.

C₁, C₂, ..., C_n: là chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất hay từng hạng mục công trình của một công trình.

D_{ck}: chi phí thực tế sản phẩm dở dang cuối kỳ.

1.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp

Cả chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đều là các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá. Tuy nhiên, nói đến chi phí sản xuất là nói đến

toàn bộ các chi phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp chi ra trong một thời kỳ, không kể chi phí đó chi cho bộ phận nào và cho sản xuất sản phẩm gì. Ngược lại, nói đến giá thành sản phẩm người ta chỉ quan tâm đến các chi phí đã được chi liên quan đến việc sản xuất hoàn thành một khối lượng sản phẩm, hoặc thực hiện một công việc mà không quan tâm đến chi phí đó chi ra vào kỳ nào. Chi phí sản xuất là căn cứ để tính giá thành của sản phẩm trong doanh nghiệp.

Công thức tính tổng giá thành sản phẩm:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành sản} & = & \text{CP xây lắp} & + & \text{CP xây lắp} & - & \text{CP xây lắp} \\ \text{phẩm xây lắp} & & \text{dở dang} & & \text{phát sinh} & & \text{dở dang} \\ & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

1.3. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.1. Kế toán chi phí sản xuất

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, mỗi doanh nghiệp lại lựa chọn cách hạch toán hàng tồn kho và phương pháp tính thuế giá trị gia tăng khác nhau. Trong giới hạn phạm vi bài khoá luận này em xin trình bày việc hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

1.3.1.1 Nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Trước hết các doanh nghiệp cần xác định rõ đối tượng, phương pháp hạch toán chi phí, phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm của đơn vị và phải thực hiện đúng theo chế độ. Cụ thể là phải xác định được nội dung và phạm vi của chi phí xây lắp và giá thành của các công trình, hạng mục công trình hoàn thành. Khác với các doanh nghiệp công nghiệp khác, chi phí nhân công trực tiếp trong các doanh nghiệp xây dựng cơ bản không bao gồm các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ). Chi phí xây lắp không bao gồm chi phí

quản lý doanh nghiệp, tuy thực chất chi phí quản lý cũng là để phục vụ cho quá trình thi công và hoàn thành bàn giao công trình cho chủ đầu tư. Những khoản chi phí như: chi phí đầu tư, chi phí hoạt động tài chính, chi phí bất thường cũng không được tính vào chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Những chi phí liên quan đến nhiều kì kế toán thì phải tiến hành phân bổ cho từng kì theo tiêu thức hợp lí. Khi phát sinh, trước hết chi phí sản xuất được biểu hiện theo yếu tố chi phí rồi mới được biểu hiện thành các khoản mục giá thành sản phẩm. Chi phí phải được ghi sổ kế toán tại thời điểm phát sinh dựa trên cơ sở là các hoá đơn, chứng từ, phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí. Chi phí phát sinh ở công trình hay hạng mục công trình nào thì được tập hợp vào công trình hay hạng mục công trình đó.

1.3.1.2. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp gồm tất cả các chi phí về nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho thi công xây lắp như: gạch, xi măng, cột điện, dây cáp điện,...

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào tổ chức tập hợp theo phương pháp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó theo giá trị thực tế. Đối với các vật liệu liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí (nhiều công trình, hạng mục công trình) phải phân bổ cho từng đối tượng theo tiêu chuẩn hợp lý như số lần sử dụng, định mức chi phí, khối lượng xây lắp hoàn thành...

Tài khoản sử dụng: TK621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”:

Nội dung: TK621 phản ánh các chi phí NVL được sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất sản phẩm, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất.

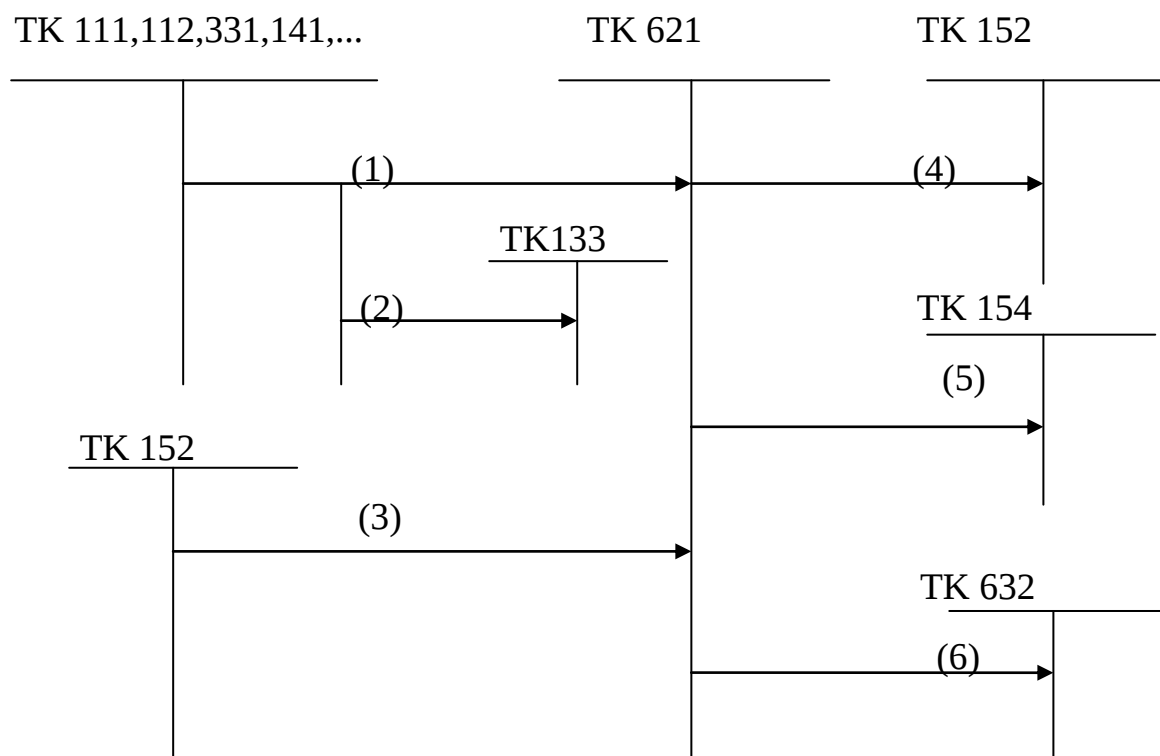
Kết cấu:

Bên nợ TK 621: Trị giá thực tế NVL xuất dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm trong kỳ.

Bên có TK 621: - Trị giá NVL sử dụng không hết nhập kho

- Kết chuyển phân bổ trị giá NVL thực tế sử dụng cho sản xuất kinh doanh trong kỳ cho các đối tượng chịu chi phí

Sơ đồ 1.1 : Trình tự kế toán Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



(1): Mua nguyên vật liệu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, không nhập kho mà sử dụng ngay cho công trình, hạng mục công trình.

(2): Thuế GTGT được khấu trừ

(3): Xuất kho vật liệu sử dụng trực tiếp cho các công trình, hạng mục công trình.

(4): Vật liệu xuất ra không sử dụng hết cho hoạt động xây lắp, cuối kỳ nhập lại kho.

(5): Cuối kỳ hạch toán, phân bổ và kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo đối tượng tập hợp chi phí.

(6): Chi phí nguyên vật liệu vượt trên mức bình thường.

1.3.1.3 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp bao gồm tiền lương, phụ cấp cho công nhân trực tiếp tham gia công tác thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, cụ thể bao gồm:

- Tiền lương chính của công nhân trực tiếp thi công xây lắp kể cả công nhân phụ. Công nhân chính như: công nhân mộc, nề, xây, uốn sắt, lắp ráp, trộn bê tông...; công nhân phụ như: công nhân khuôn vác, lau chùi thiết bị...
- Các khoản phụ cấp theo lương như phụ cấp làm đêm, thêm giờ, trách nhiệm, chức vụ, công trường, khu vực, độc hại...
- Tiền lương phụ của công nhân trực tiếp thi công xây lắp.

Ngoài các khoản trên, khoản mục chi phí nhân công trực tiếp còn bao gồm khoản phải trả cho lao động thuê ngoài theo từng loại công việc.

Khoản mục chi phí nhân công trực tiếp không bao gồm tiền lương của nhân công khi vận chuyển vật liệu ngoài cự ly công trường, lương nhân viên thu mua bảo quản bốc dỡ vật liệu trước khi đến kho công trường, lương công nhân tát nước vét bùn khi thi công gặp trời mưa hay gặp mạch nước ngầm và tiền lương của các bộ phận khác (sản xuất phụ, xây lắp phụ, nhân viên bảo vệ, nhân viên quản lý,...).

Mặt khác, khoản mục chi phí này cũng không bao gồm tiền ăn giữa ca và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) theo tỷ lệ quy định tính trên tiền lương phải trả của công nhân trực tiếp thi công xây lắp. Trong trường hợp doanh nghiệp xây lắp có các hoạt động khác mang tính chất công nghiệp hoặc cung cấp dịch vụ thì vẫn được tính vào khoản mục chi phí nhân công trực tiếp các khoản trích theo lương và tiền ăn giữa ca của công nhân trực tiếp.

Tài khoản sử dụng: TK622 “ chi phí nhân công trực tiếp”

Nội dung: TK622 phản ánh chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

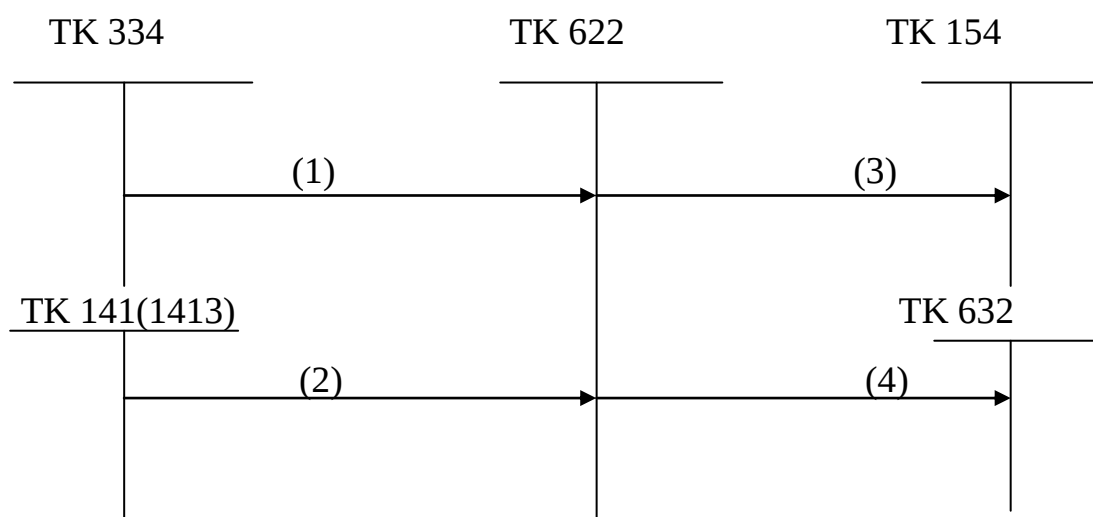
Kết cấu:

Bên Nợ TK 622: chi phí nhân công trực tiếp tham gia thi công trong kỳ.

Bên Có TK 622:

- Kết chuyển CPNCTT
- Kết chuyển CHNCTT vượt trên mức bình thường vào TK 632.

Sơ đồ 1.2: Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp



(1): Tính lương phải trả công nhân xây lắp

(2): Quyết toán tạm ứng lương đối với giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao đã được phê duyệt đối với phần khoán xây lắp nội bộ. Tạm ứng để thực hiện giá trị khoán xây lắp nội bộ. Khi bản quyết toán tạm ứng về giá trị khối lượng xây lắp đã hoàn thành bàn giao được duyệt.

(3): Cuối kì kế toán tính phân bổ và kết chuyển chi phí NCCTT cho từng công trình, hạng mục công trình theo phương pháp trực tiếp hoặc phân bổ gián tiếp.

(4): Kết chuyển chi phí NCTT vượt trên mức bình thường vào giá vốn.

1.3.1.4. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

Đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện việc xây lắp theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thi công bằng thủ công vừa kết hợp thi công bằng

máy móc, trong giá thành xây lắp còn có khoản mục chi phí sử dụng máy thi công.

Chi phí sử dụng máy thi công gồm các chi phí trực tiếp liên quan đến việc sử dụng máy thi công như:

- Tiền lương của công nhân điều khiển máy móc thi công kể cả công nhân phục vụ máy và các khoản phụ cấp theo lương, kể cả khoản tiền ăn giữa ca của công nhân trực tiếp điều khiển máy thi công.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định là máy móc thi công.
- Chi phí về vật liệu, công cụ, dụng cụ dùng cho máy móc thi công.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: gồm chi phí về sửa chữa, bảo trì, điện nước cho máy thi công, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu phụ.
- Các khoản chi khác có liên quan đến việc sử dụng máy thi công kể cả khoản chi cho lao động nữ.

Chi phí sử dụng máy thi công không bao gồm khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ quy định trên tiền lương của công nhân điều khiển máy thi công. Khoản này được tính vào chi phí sản xuất chung. Chi phí sử dụng máy thi công cũng không bao gồm các khoản sau: Lương công nhân vận chuyển, phân phối vật liệu cho máy; vật liệu là đối tượng chế biến của máy, các chi phí lắp đặt lần đầu cho máy thi công, chi phí sử dụng máy móc thiết bị khác và các chi phí có tính chất quản lý, phục vụ chung. Trường hợp doanh nghiệp thi công hoàn toàn bằng thủ công hoặc thi công hoàn toàn bằng máy móc, các chi phí phát sinh không đưa vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công mà được xem là chi phí sản xuất chung.

Tài khoản sử dụng: TK 623 “ Chi phí sử dụng máy thi công ”

Nội dung: TK 623 dùng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp công trình trong trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công, vừa kết hợp bằng máy.

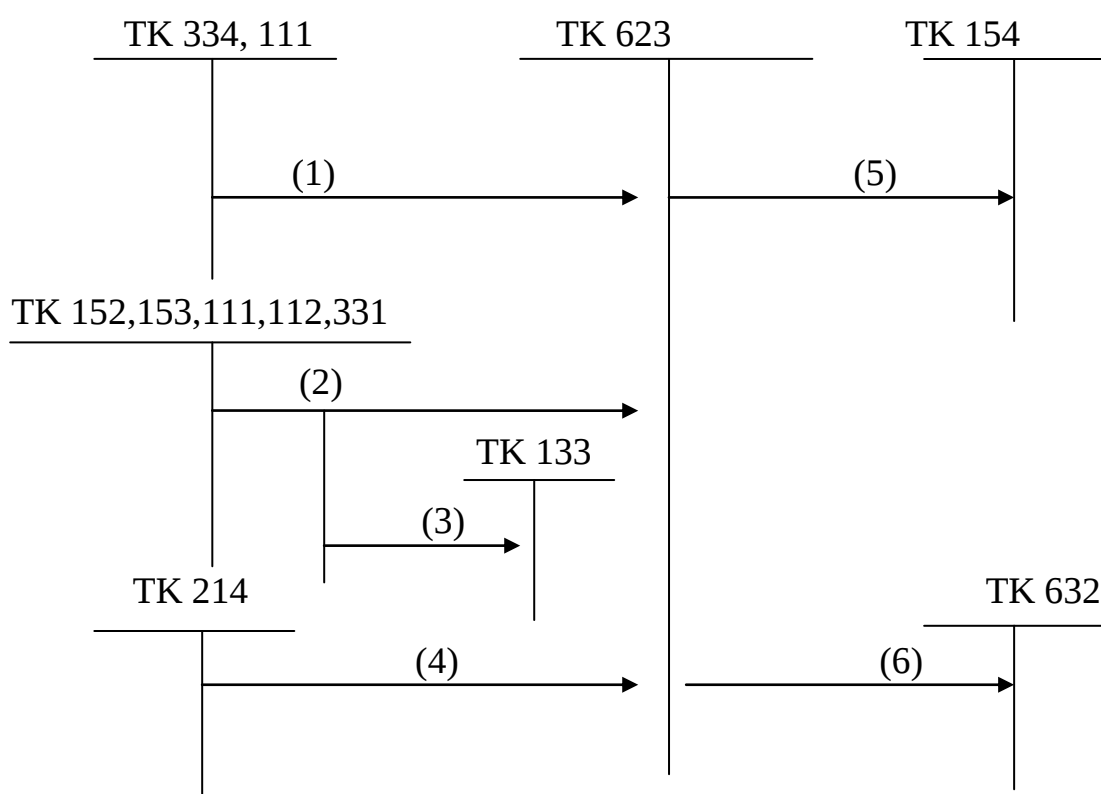
Kết cấu:

Bên Nợ TK 623: Các chi phí liên quan đến hoạt động của máy thi công (Chi phí nguyên vật liệu cho máy hoạt động, chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp lương, tiền công của công nhân trực tiếp điều khiển máy, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy thi công...). Chi phí vật liệu, chi phí phục vụ khác cho máy thi công.

Bên Có TK 623:

- Kết chuyển chi phí sử dụng xe, máy thi công vào bên Nợ TK 154 “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.
- Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vượt trên mức bình thường.

Sơ đồ 1.3 :Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công



(1): Tiền công, tiền lương và các khoản phụ cấp cho công nhân điều khiển xe, máy thi công, phục vụ máy thi công.

(2): Chi phí nhiên liệu, vật liệu, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động của xe, máy thi công

(3): Thuế GTGT được khấu trừ đối với trường hợp mua nhiên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ không qua nhập kho xuất dùng ngay, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác phục vụ cho xe, máy thi công.

(4): Chi phí khấu hao xe, máy thi công sử dụng vào hoạt động xây lắp công trình.

(5): Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

(6): Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vượt trên mức bình thường vào giá vốn.

1.3.1.5. Kế toán chi phí sản xuất chung và phân bổ chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là các chi phí trực tiếp khác (ngoài chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công) và các chi phí về tổ chức, quản lý phục vụ sản xuất xây lắp, các chi phí có tính chất chung cho hoạt động xây lắp gắn liền với từng đơn vị thi công như tổ, đội, công trường thi công.

Chi phí sản xuất chung bao gồm các khoản chi phí như sau:

- Chi phí nhân viên phân xưởng: gồm tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp lương, phụ cấp lưu động phải trả cho nhân viên quản lý đội xây dựng, tiền ăn giữa ca của nhân viên quản lý đội xây dựng và của công nhân xây lắp; khoản trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ được tính theo tỷ lệ quy định hiện hành trên tiền lương phải trả của công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý đội thuộc biên chế của doanh nghiệp.

Ngoài khoản chi phí của nhân viên quản lý công trường, kế toán, thống kê, kho, vệ sinh... của công trường, chi phí nhân viên phân xưởng còn bao gồm tiền công vận chuyển vật liệu ngoài cự ly thi công do mặt bằng thi công chật hẹp, công tát nước vét bùn khi trời mưa hoặc gặp mạch nước ngầm...

- Chi phí vật liệu: gồm chi phí vật liệu cho đội xây dựng như vật liệu dùng để sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ, công cụ dụng cụ thuộc đội xây dựng quản lý và sử dụng, chi phí lán trại tạm thời.
- Trường hợp vật liệu mua ngoài xuất thẳng cho đội xây dựng, nếu doanh nghiệp được khấu trừ thuế thì chi phí vật liệu không bao gồm thuế giá trị gia tăng đầu vào.
- Chi phí dụng cụ sản xuất xây lắp: gồm các chi phí về công cụ dụng cụ dùng cho thi công như cuộc xẻng, dụng cụ cầm tay, xe đẩy, đà giáo, ván khuôn, và các loại công cụ dụng cụ khác dùng cho sản xuất và quản lý đội xây dựng. Chi phí dụng cụ sản xuất xây lắp không gồm thuế giá trị gia tăng đầu vào nếu doanh nghiệp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định: gồm chi phí khấu hao tài sản cố định dùng chung cho hoạt động của đội xây dựng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: gồm các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động của phân xưởng, tổ, đội xây lắp như: Chi phí sửa chữa, chi phí thuê ngoài, chi phí điện, nước, điện thoại, tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ.
- Chi phí bằng tiền khác: gồm các chi phí bằng tiền khác ngoài các khoản chi phí đã kể trên phục vụ cho hoạt động của phân xưởng, tổ, đội xây lắp. Trong trường hợp doanh nghiệp tổ chức thi công hỗn hợp vừa bằng thủ công vừa bằng máy, khoản chi phí khấu hao máy móc thi công được tính vào chi phí sử dụng máy thi công chứ không tính vào chi phí sản xuất chung.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho các công trình, hạng mục công trình cụ thể căn cứ vào các tiêu thức khác nhau như: Giá trị công trình, hạng mục công trình; chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp.

Tài khoản sử dụng: TK627 “ Chi phí sản xuất chung”.

Nội dung: TK 627 phản ánh những chi phí phục vụ cho sản xuất xây lắp trong quá trình tiến hành xây dựng cơ bản tại các công trường, các đội và các xí nghiệp trong doanh nghiệp XDCCB.

Kết cấu:

Bên Nợ TK 627: Tập hợp các chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.

Bên Có TK 627:

- Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung;
- Chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ do mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường;
- Kết chuyển chi phí sản xuất chung.

Tài khoản này có thể mở chi tiết cho từng công trình, từng đội thi công, từng bộ phận và cũng được mở đồng thời các TK cấp 2 để theo dõi Chi phí SXC theo yếu tố chi phí sản xuất. Trong đó:

TK6271 : Chi phí nhân viên quản lý xí nghiệp, đội sản xuất.

TK6272: Chi phí vật liệu.

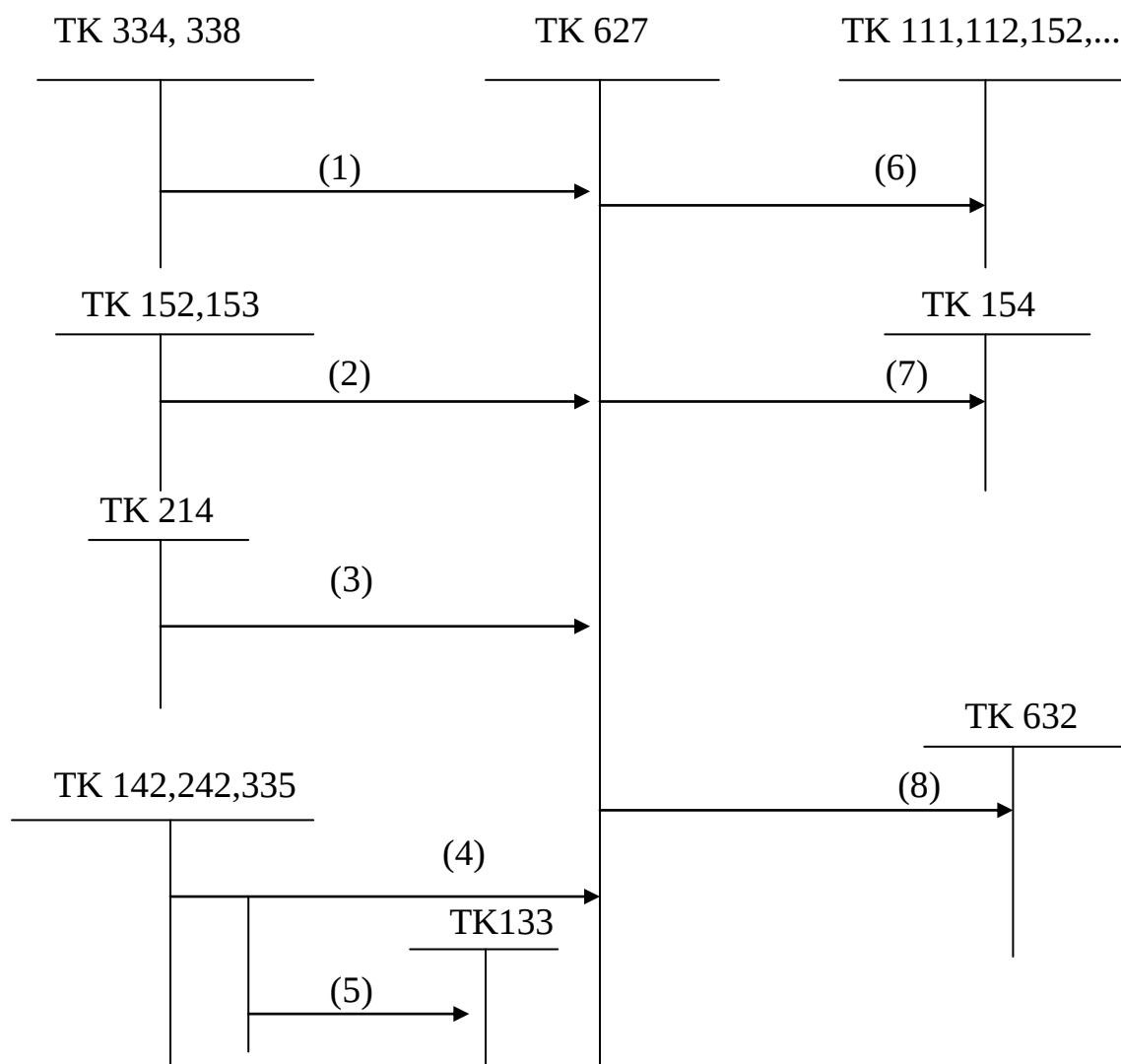
TK6273: Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất.

TK6274: Chi phí khấu hao TSCĐ.

TK6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK6278: Chi phí dịch vụ mua ngoài khác.

Sơ đồ 1.4: Trình tự kế toán chi phí sản xuất chung



(1): Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương

(2): Chi phí vật liệu, dụng cụ

(3): Chi phí khấu hao TSCĐ

(4): Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước

(5): Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác

(6): Các khoản giảm chi phí sản xuất chung

(7): Cuối kỳ tình, phân bổ và kết chuyển chi phí sản xuất chung theo đối tượng tập hợp chi phí.

(8): Chi phí sản xuất chung cố định không được tính vào giá thành sản phẩm mà tính vào giá vốn hàng bán do mức sản xuất thực tế nhỏ hơn công suất bình

thường.

1.4. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm công việc còn đang trong quá trình sản xuất gia công, chế biến đang nằm trong các giai đoạn của quy trình công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài quy trình chế biến nhưng vẫn còn phải gia công chế biến mới trở thành sản phẩm.

Đánh giá sản phẩm dở dang là xác định và tính toán phần chi phí sản xuất còn nằm trong sản phẩm dở dang cuối kỳ là một trong những yếu tố quyết định tính hợp lý của giá thành sản xuất sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Các thông tin về sản phẩm dở dang không những ảnh hưởng đến trị giá hàng tồn kho trên bảng cân đối mà còn ảnh hưởng đến lợi nhuận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thành phẩm xuất bán trong kỳ. Tùy theo đặc điểm tình hình cụ thể về tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ, cơ cấu chi phí, yêu cầu trình độ quản lý của từng doanh nghiệp mà vận dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang thích hợp. Vì vậy, đánh giá sản phẩm dở dang có ý nghĩa rất quan trọng trong kế toán doanh nghiệp.

1.4.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Theo phương pháp này, kế toán giả định trong sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp mà không tính đến các chi phí sản xuất khác (như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung). Kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVLTT phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

1.4.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương

Theo phương pháp này, kế toán dựa theo mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang để quy sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành rồi từ đó xác định từng khoản mục chi phí nằm trong sản phẩm dở dang cuối kỳ. Tiêu chuẩn quy đổi thường căn cứ vào giờ công hoặc tiền lương định mức.

- Đối với chi phí bỏ hết một lần ngay từ đầu vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp) được phân bổ đều 100% cho cả sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thành.

$$\text{Chi phí NVL trong sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí NVL dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVL phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

- Đối với chi phí bỏ dần vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) được gọi là chi phí chế biến chỉ được phân bổ cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành.

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí chế biến dở dang đầu kỳ} \\ \text{Chi phí chế biến cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí chế biến dở dang đầu kỳ} \\ \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí chế biến phát sinh trong kỳ} \\ \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} \\ \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} \\ \text{tương đương} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức độ hoàn thành} \end{array}$$

Khi áp dụng phương pháp này kết quả tính toán giá trị sản phẩm dở dang mang tính chính xác cao. Tuy nhiên khối lượng tính toán lớn nên mất nhiều thời gian. Mặt khác, việc xác định mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở dang là một công việc phức tạp mang nặng tính chủ quan. Phương pháp này chỉ thích hợp với những doanh nghiệp mà sản phẩm của doanh nghiệp có tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong tổng chi phí sản phẩm không quá lớn, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ nhiều biến động lớn so với đầu kỳ.

1.4.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50% chi phí chế biến

Để đơn giản việc tính toán, đối với những sản phẩm mà chi phí chế biến chiếm tỷ lệ không nhỏ trong tổng chi phí, kế toán thường sử dụng phương pháp này. Thực chất phương pháp này là một dạng của phương pháp đánh giá dở dang theo sản lượng ước tính tương đương, trong đó chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được giả định luôn hoàn thành 50%.

1.4.4. Đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp định mức

Theo phương pháp này, kế toán căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang, mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang ở từng công đoạn sản xuất và định mức từng khoản mục chi phí ở từng công đoạn sản xuất để tính ra giá trị

từng sản phẩm dở dang theo chi phí định mức.

Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ	Chi phí sản xuất định mức đơn vị sản phẩm	Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ	Mức độ hoàn thành
	=	x	x

Phương pháp này chỉ áp dụng thích hợp với doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống định mức và dự toán chi phí hoặc thực hiện phương pháp tính giá thành định mức.

1.5. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp được tiến hành vào cuối kỳ kế toán hoặc khi công trình hoàn thành toàn bộ, trên cơ sở các bảng tính toán phân bổ chi phí vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung cho các đối tượng tập hợp chi phí đã xác định. Việc tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp phải được thực hiện cho từng công trình, hạng mục công trình và theo các khoản mục chi phí đã quy định.

Tài khoản sử dụng: TK 154 “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

Nội dung: TK 154 phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất, kinh doanh phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm xây lắp

Kết cấu:

Bên Nợ TK 154:

- Chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan tới giá thành sản phẩm xây lắp công trình hoặc giá thành xây lắp theo giá khoán nội bộ.

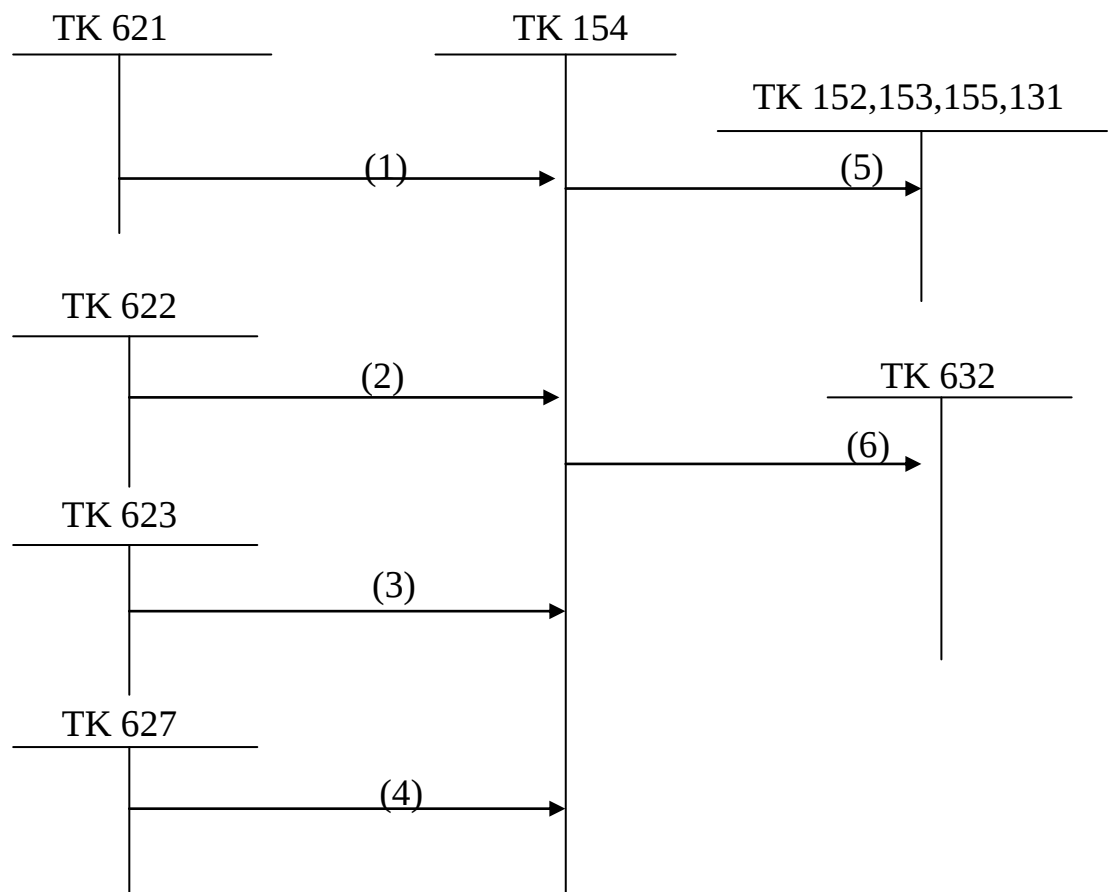
Bên Có TK 154:

- Giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao từng phần hoặc toàn bộ tiêu thụ trong kỳ; hoặc bàn giao cho đơn vị nhận thầu chính xây

lắp(Cấp trên hoặc nội bộ);hoặc giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành chờ tiêu thụ.

- Chi phí của hợp đồng không thể thu hồi.
- Nhập kho nguyên vật liệu thừa, phế liệu thu hồi nhập kho hoặc các khoản thu từ việc bán vật liệu thừa và phế liệu.
- Thu từ thanh lý máy móc, thiết bị thi công.

Sơ đồ 1.5 : Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất



(1): Cuối kì phân bổ, kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

(2): Cuối kì phân bổ, kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp.

(3): Cuối kì phân bổ, kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công.

(4): Cuối kì phân bổ , kết chuyển chi phí sản xuất chung.

(5): Giá trị nguyên vật liệu, phế liệu nhập kho, thu từ thanh lý TSCĐ, máy móc thi công...

(6): Giá thành khối lượng xây lắp bàn giao hoàn thành.

1.6. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán

Theo chế độ kế toán hiện hành, doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

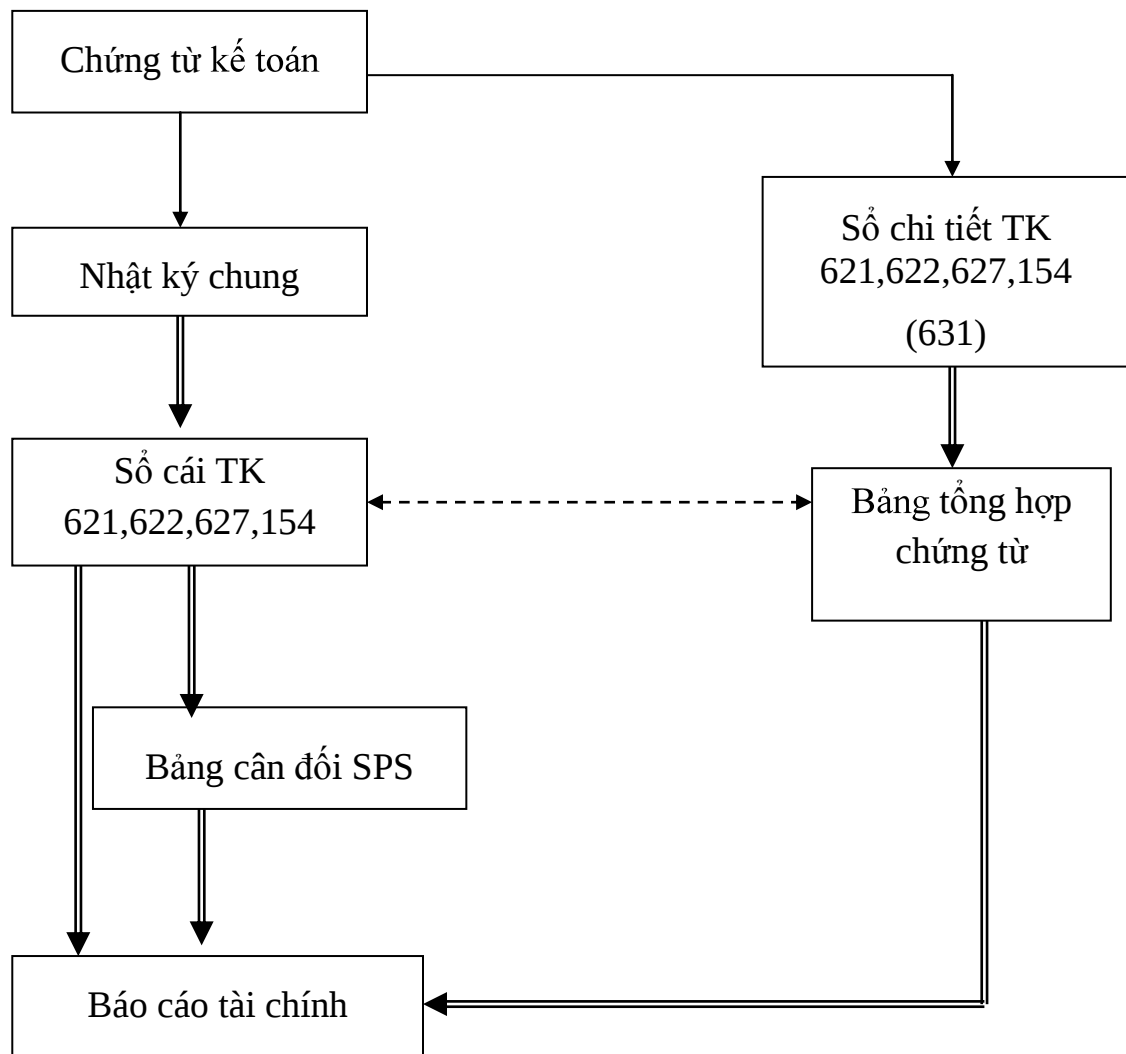
Doanh nghiệp phải căn cứ vào qui mô đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán mà lựa chọn hình thức kế toán phù hợp.

Hình thức kế toán thực chất là hình thức tổ chức sổ kế toán. Hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán chính là hình thức tổ chức các sổ kế toán để hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm.

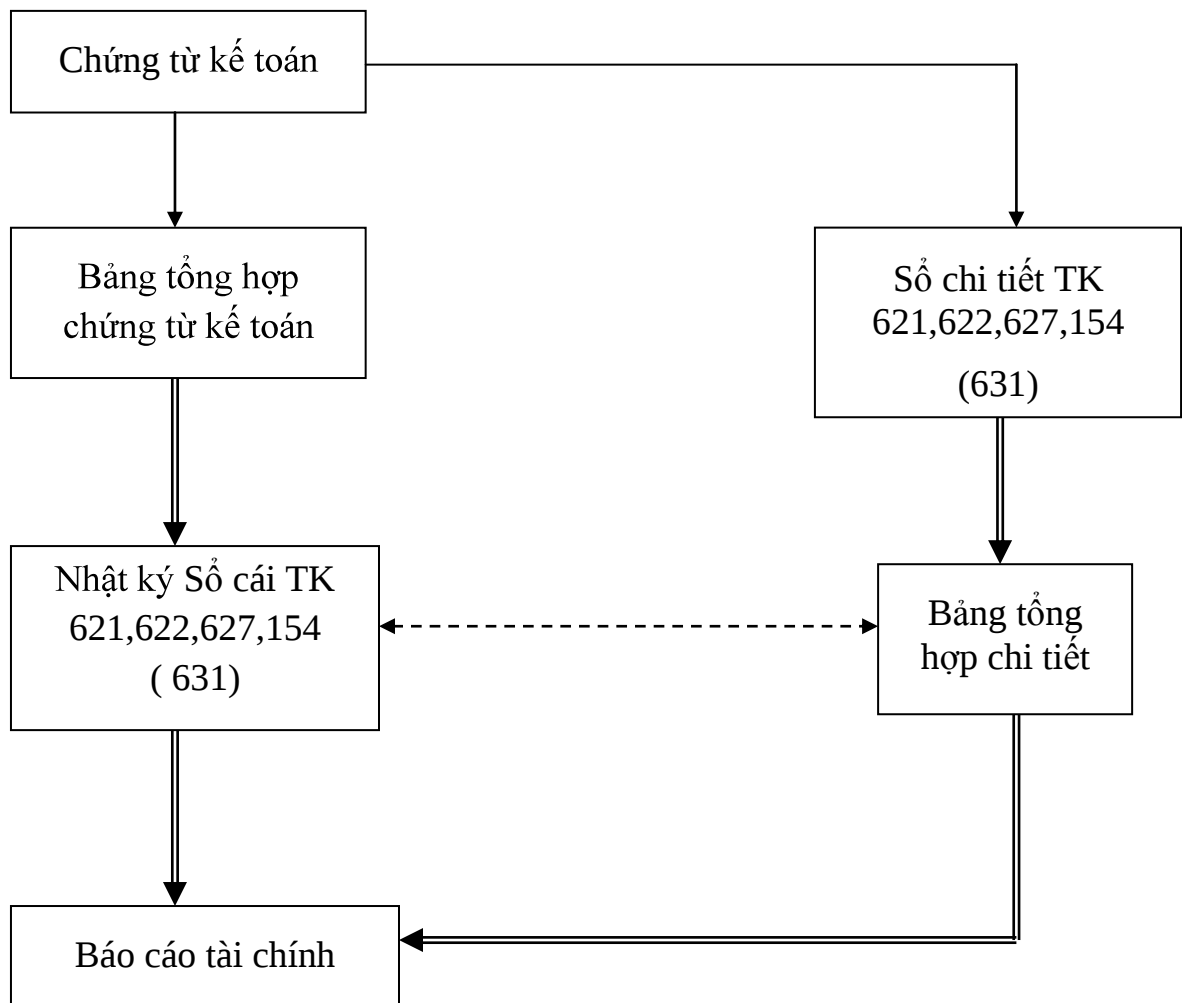
Ghi chú:

Ghi hàng ngày:	————→
Ghi cuối tháng:	====→
Đối chiếu kiểm tra:	←-----→

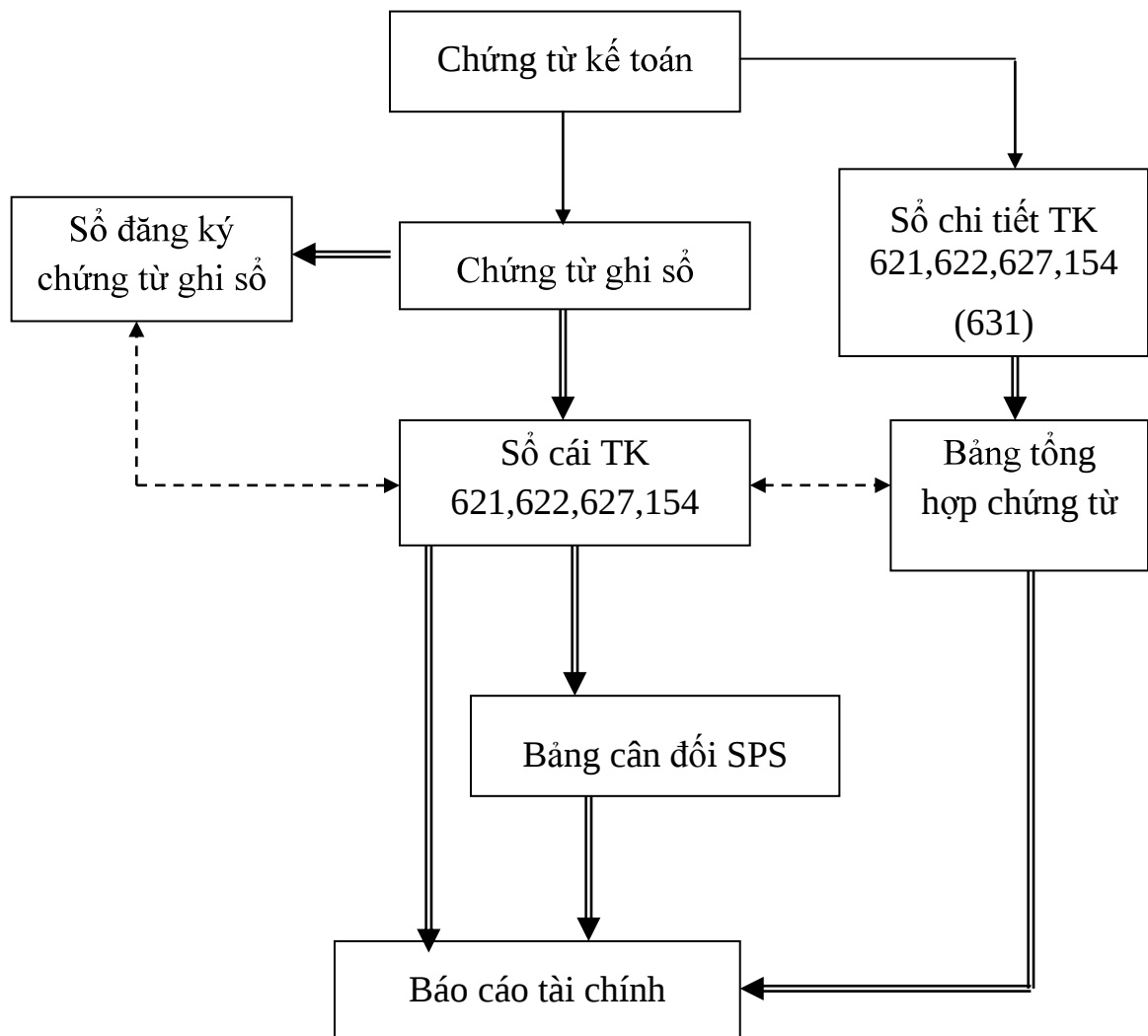
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung



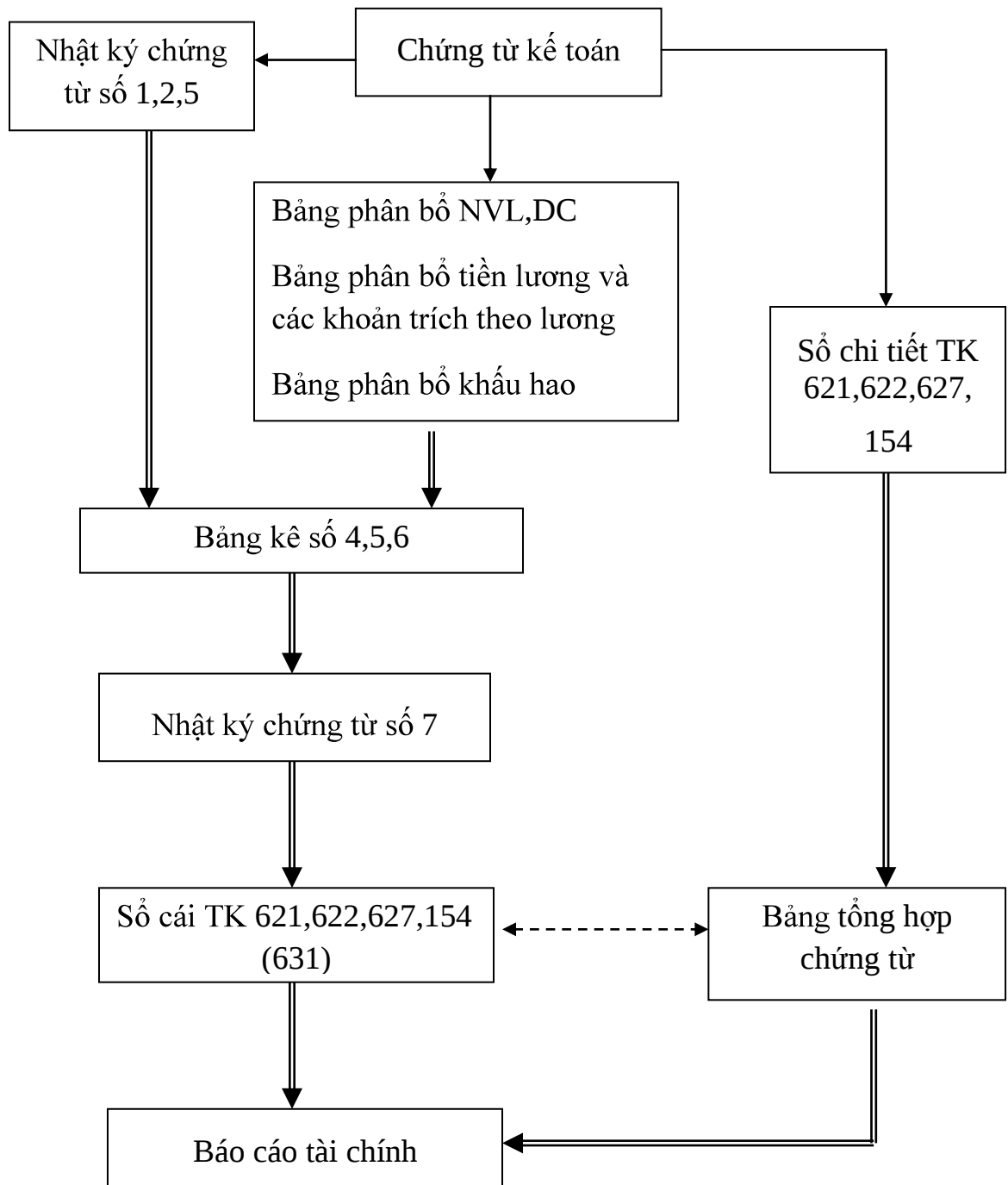
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



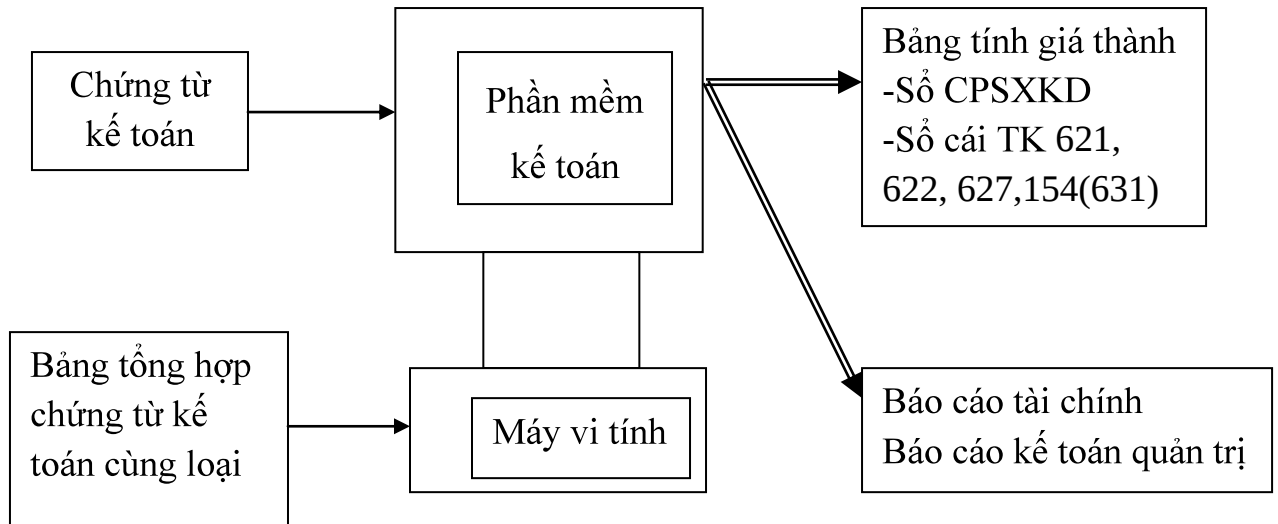
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy tính



CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH AN MINH THỊNH

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH An Minh Thịnh

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

2.1.1.1. Thông tin chung

Công ty TNHH An Minh Thịnh được thành lập theo giấy phép kinh doanh số 0202006657 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng- phòng đăng ký kinh doanh cấp lần đầu vào ngày 20 tháng 05 năm 2008.Cụ thể như sau:

-Tên công ty :CÔNG TY TNHH AN MINH THỊNH

-Tên nước ngoài: AN MINH THINH LIMITED COMPANY

-Tên công ty viết tắt: AN MINH THINH CO.LTD

-Địa chỉ : Đội 4B- xã Tân Dương- huyện Thuỷ Nguyên-TP. Hải Phòng

-Số điện thoại: 031.3774.042

-Fax: 013.3774.042

-Mã số thuế : 0200816772

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Đây là công ty TNHH có từ 2 thành viên trở nên do ông Phạm Đình Khải (chiếm 31,04 % tổng vốn góp),ông Phạm Đình Hồng (chiếm 17,24 % tổng vốn góp),ông Phạm Đình Kiên(chiếm 17,24 %) tổng vốn góp và ông Phạm Quốc Uy (chiếm 34,48 % tổng vốn góp) thành lập với số vốn điều lệ là 2,9 tỷ đồng.

Khi thành lập doanh nghiệp, Công ty đã đăng ký các ngành nghề kinh doanh với các đơn vị chức năng có thẩm quyền và do đó hoạt động theo

đúng ngành nghề đã đăng ký, cụ thể:

- Gia công cơ khí.
- Bán ô tô và xe có động cơ khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng ,xây dựng
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp,máy thủy,máy xúc,máy ủi
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện,vật liệu điện
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng
- Bán buôn máy vi tính ,thiết bị ngoại vi và phần mềm
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử,viễn thông
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy dệt,may,da giày
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
- Bán buôn văn phòng phẩm
- Bán buôn hàng mỹ phẩm,chế phẩm vệ sinh
- Bán buôn thực phẩm
- Bán buôn đồ dùng gia đình
- Bán buôn hàng may mặc
- Bán buôn than mỏ
- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
- Bán buôn vật liệu,thiết bị lắp đặt trong xây dựng
- Bán buôn tre,nứa,gỗ cây và gỗ chế biến
- Bán buôn sơn,vécni
- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh

-Bán buôn hoá chất thông thường

-Bán buôn hàng điện tử,điện lạnh,điện dân dụng,chất đốt, than mỏ,nguyên phụ liệu ngành da giày,may mặc,biển báo hiệu,thiết bị dụng cụ y tế,than cám,than bùn, đồ gỗ,đạm,kali,urê,NPK,phương tiện vận tải

-Dịch vụ cầm đồ

-Đúc kim loại

-Vận tải hành khách bằng taxi

-Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh,liên tỉnh

-Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng

-Vận tải hành khách bằng đường bộ

-Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa

-Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa

-Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ

-Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn ghế): sản xuất sản phẩm từ rom,rạ và vật liệu tết bện

-Sản xuất các cấu kiện kim loại

-Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện,thiết bị phân phối và điều khiển điện

-Sản xuất bi, bánh răng, hộp số,các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động

-Sửa chữa máy móc thiết bị

-Sửa chữa thiết bị điện

-Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

-Tái chế phế liệu

-Lắp đặt hệ thống điện

-Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí

-Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Thi công , lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KV

-Bán buôn kim loại và quặng kim loại

-Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại,phi kim

Ngành nghề đăng ký kinh doanh rất đa dạng ,nhưng hiện tại công ty chủ yếu kinh doanh về lĩnh vực xây lắp điện.điện.Sản phẩm tạo ra của Công ty mang tính đặc thù khác với các ngành sản xuất khác như: địa điểm sản xuất không cố định, thường là sản xuất ngoài trời nên chịu ảnh hưởng của điều kiện thời tiết, sản phẩm là những công trình, hạng mục công trình, hay khối lượng xây lắp khi hoàn thành đều có giá thành riêng, có kết cấu kỹ thuật phức tạp, mang tính đơn chiếc, thời gian sản xuất dài phải lập dự toán riêng cho từng công trình trước khi sản xuất. Nơi sản xuất cũng là nơi tiêu thụ. Khi công trình hoàn thành Công ty có thu nhập để trang trải cho toàn bộ chi phí đã bỏ ra và có tích lũy để mở rộng sản xuất kinh doanh. Số lượng khách hàng ít, dễ xác định và được xác định khi bắt đầu quá trình xây lắp. Sản phẩm xây lắp hoàn thành được bàn giao cho chủ đầu tư theo các hợp đồng xây lắp đã ký. Đối với các hợp đồng xây lắp với chủ đầu tư, khi bàn giao công trình và thanh toán bên chủ đầu tư được phép giữ lại tiền phí bảo hành công trình theo tỷ lệ %/ giá trị công trình.

2.1.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH An Minh Thịnh trong quá trình hoạt động.

Thuận lợi

- Các công trình ở gần nguồn nguyên vật liệu xây dựng, máy xây dựng, sẵn nhân công ... thì công ty sẽ có nhiều lợi thế trong hạ thấp chi phí sản xuất, hạ giá thành xây lắp.

-Về lực lượng lao động, công ty luôn tuyển dụng các công nhân kỹ thuật với nhiều tay nghề khác nhau đáp ứng được tiến độ công việc và chất lượng công trình.

- Thực tế hiện nay, trên địa bàn Hải Phòng cũng như các tỉnh, các địa phương trong cả nước, nhu cầu phát triển, xây dựng các khu đô thị mới, các khu chung cư,...do đó việc lắp đặt hệ thống điện nước cũng ngày được phát triển

Khó khăn

- Trong xây dựng, con người và các tư liệu sản xuất luôn phải di chuyển từ công trình này đến công trình khác làm tăng chi phí sản xuất.

- Các công trình xây dựng phải tiến hành ngoài trời do đó chịu ảnh hưởng trực tiếp của thời tiết, ảnh hưởng của thời tiết thường làm gián đoạn quá trình thi công, làm tăng giá thành của công trình. Đặc điểm này đòi hỏi công ty phải xác lập tiến độ thi công hợp lý, tránh thời tiết xấu ảnh hưởng đến công trình.

- Bên cạnh đó các nguyên vật liệu phục vụ trực tiếp cho xây dựng phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên. Vì vậy công ty cần phải tổ chức dự trữ nguyên vật liệu, phục vụ sản xuất.

- Sản phẩm một số là các công trình lớn, chi phí lớn, vốn nhiều, thời gian xây dựng và sử dụng lâu dài sản phẩm. Điều đó làm cho vốn xây dựng công trình và vốn sản xuất thường bị ứ đọng lâu dài tại. Công ty dễ gặp phải các rủi ro ngẫu nhiên theo thời gian, làm cho công tác hạ giá thành bị ảnh hưởng. Vì vậy công ty phải chú ý đến nhân tố thời gian khi lựa chọn phương án.

- Khi tiến hành xây lắp các công trình thường tuyển dụng lao động địa phương nên số lượng và chất lượng lao động chưa đảm bảo và đồng bộ, dẫn đến chưa đảm bảo về mặt hiệu quả của công việc.

- Do quy mô của doanh nghiệp nhỏ, số vốn của công ty có hạn nên không trang bị đầy đủ được máy móc thiết bị để phục vụ thi công, công ty thường xuyên phải đi thuê ngoài để phục vụ thi công công trình. Đây thực sự là một trở ngại lớn đối với công ty, trong quá trình xây lắp công trình và tiến độ hoàn thành công trình.

Công ty TNHH An Minh Thịnh đã đạt được những kết quả tốt trong sự nỗ lực hết mình để đi lên của ban lãnh đạo và toàn thể công nhân viên, sự phát triển đó được thể hiện qua các bảng sau:

Biểu 2.1

**BẢNG KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY
QUA 3 NĂM 2010, 2011, 2012**

CHỈ TIÊU	NĂM 2010	NĂM 2011	NĂM 2012	SO SÁNH 2011/2010		SO SÁNH 2012/2011	
				GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG (%)	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG (%)
Doanh thu(đồng)	2.382.902.727	6.560.656.402	8.818.548.547	4.177.753.675	275.32	2.257.892.145	134.42
Chi phí (đồng)	2.350.628.660	6.435.987.033	8.636.679.174	4.085.358.373	273.79	2.200.692.141	134.19
Lợi nhuận sau thuế	24.205.550	93.502.027	136.402.030	69.296.477	386.28	42.900.003	145.88
Nộp ngân sách	8.068.517	31.167.342	45.467.343	23.098.825	386.28	14.300.001	145.88
Lao động (người)	35	50	60	15	142.86	10	120
TNBQ (đ/ng/tháng)	3.000.000	3.500.000	3.800.000	500.000	123.33	300.000	108.57

Qua bảng báo cáo kết quả kinh doanh và bảng khái quát tình hình tài chính Công ty TNHH An Minh Thịnh 3 năm 2010, năm 2011 và năm 2012, ta thấy Công ty đã có những bước phát triển, cụ thể:

- Lao động tăng từ 35 người năm 2010 lên 50 người năm 2011 và 60 người ở năm 2012. Tuy kinh tế ngày càng khó khăn, nhưng giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty đã vững bước đi lên, tạo công việc ổn định cho lao động, đồng thời cũng giảm số lượng lao động thất nghiệp cho xã hội. Tăng thu nhập cho lao động luôn là vấn đề cần thiết không thể thiếu nhằm đáp ứng nhu cầu cuộc sống vật chất cũng như tinh thần cho lao động, điều này giúp cho họ gắn bó mật thiết với công ty hơn và luôn hết lòng làm việc vì Công ty. Thu nhập bình quân hàng tháng năm 2011 tăng 500.000đ so với năm 2010 với tỷ lệ tăng 23.33%, năm 2012 tăng 200.000đ so với năm 2011 tương với với tỷ lệ giảm 8.57%. Mức tăng và tỷ lệ tăng tuy không nhiều nhưng lại khuyến khích, tạo được động lực giúp người lao động hăng say làm việc hơn.

- Doanh thu là khoản thu được khi cung cấp hàng hoá dịch vụ cho khách hàng. Năm 2011 doanh thu tăng 4.177.753.675 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 53,32%% so với năm 2010. Năm 2012 doanh thu tăng 2.257.892.145 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 34,42 %. Điều này cho thấy Công ty có phương hướng kinh doanh đúng đắn, bước đi cụ thể đưa doanh nghiệp ngày càng vững mạnh.

- Chi phí là tất cả các khoản chi doanh nghiệp chi trong 1 năm hoạt động kinh doanh, khoản chi này bao gồm chi lương công nhân viên, chi khấu hao tài sản cố định, v.v.... Khi bán hàng và cung cấp hàng hoá dịch vụ tăng, đồng nghĩa với nó là các khoản chi để phục vụ cho việc bán hàng cũng

- Lợi nhuận sau thuế năm 2011 tăng so với năm 2010 là 69.296.477 đồng kéo theo khoản nộp ngân sách cũng tăng 23.098.825 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 286.28%. Lợi nhuận sau thuế năm 2012 cũng tăng so với năm 2011 là 42.900.003 kéo theo khoản nộp nhân sách cũng tăng 14.300.001 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 45.88%.

Qua đây ta thấy việc quản lý và hoạch định các phương hướng phát triển trong các năm tới trong thời điểm kinh tế đang khủng hoảng là rất khó khăn, hơn nữa phải đảm bảo được kinh tế ổn định cho người lao động, không ngừng cải thiện nâng cao hơn nữa đời sống tinh thần cho toàn thể nhân viên.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý trong công ty TNHH An Minh Thịnh

2.1.2.1. Các chính sách và quy định quản lý.

Công ty có bộ máy quản lý 1 cấp theo hình thức mô hình tập trung, do đó có những quy định riêng cho từng mặt. Cụ thể:

+ *Về mặt kinh tế*: Luôn phát huy, cố gắng thu được lợi nhuận cao trong kinh doanh, tiết kiệm chi phí và kiểm soát chặt chẽ các khoản thu chi trong công ty, đảm bảo mọi phương án có tính kinh tế và mang lại hiệu quả cao.

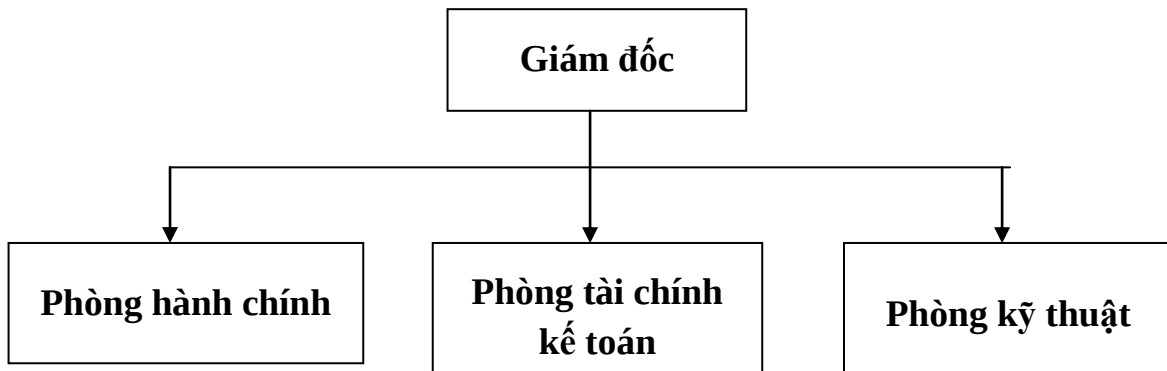
+ *Về mặt quản lý*: Luôn được quản lý chặt chẽ, kiểm soát gắt gao mọi công tác trong công ty. Phải nắm bắt rõ tình hình công ty mình và công ty đối thủ để từ đó có phương án cụ thể đưa công ty phát triển. Đồng thời phải luôn quan tâm đến đời sống kinh tế cũng như tinh thần của cán bộ công nhân viên, từ đó điều chỉnh cho phù hợp với thị trường, tạo động lực thúc đẩy lòng nhiệt tình và gắn bó lâu dài với công ty.

+ *Về mặt tài chính*: thường xuyên báo cáo tình hình tài chính với giám đốc để từ đó cân chỉnh thu chi và đầu tư thêm cho kinh doanh. Mặt khác phải luôn luôn công khai tài chính với các cổ đông và cán bộ công nhân viên, qua đó giúp cho thành viên công ty và nhân viên tự tin làm việc. Quan trọng hơn cả, tài chính luôn gắn liền với tiền, kinh doanh phải ngày càng phát triển, nhờ có thông tin tài chính liên tục mà giám đốc biết được tình hình làm ăn của công ty đang trên đà phát triển hay đang dần đi xuống, từ đó có biện pháp xử lý kịp thời.

2.1.2.2. Cơ cấu tổ chức

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh mà công ty tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình tập trung, thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức



2.1.2.3. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

* **Giám đốc** : Là người đại diện cho Công ty trước pháp luật, người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ và quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích lợi ích của Công ty trước pháp luật.

Giám đốc có quyền ban hành quy chế quản lý nội bộ, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong công ty.

* **Phòng hành chính**: cung cấp các dịch vụ gián tiếp phục vụ cho quá trình hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho các hoạt động đó diễn ra bình thường. Quản lý và thực hiện toàn bộ công tác hành chính trong công ty. Thực hiện các công tác quản lý nhân sự, công tác thực hiện chính sách, quy định của cơ quan chính quyền địa phương. Tiếp nhận và gửi các giấy tờ hành chính, lưu trữ công văn đến, công văn đi, các hợp đồng, báo cáo và các giấy tờ quan trọng khác.

* **Phòng kế toán - tài chính** : Có chức năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo tháng, quý, năm. Làm nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc

về các vấn đề liên quan đến tài chính, sản xuất của công ty. Tập hợp và thống kê các khoản chi tiêu, thu nhập trong toàn công ty. Cung cấp những chỉ tiêu kinh tế tài chính cần thiết cho giám đốc công ty. Lập các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, cân đối sổ sách kế toán, hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước các khoản đóng góp theo quy định của nhà nước. Thường xuyên theo dõi biến động trên các tài khoản kế toán.

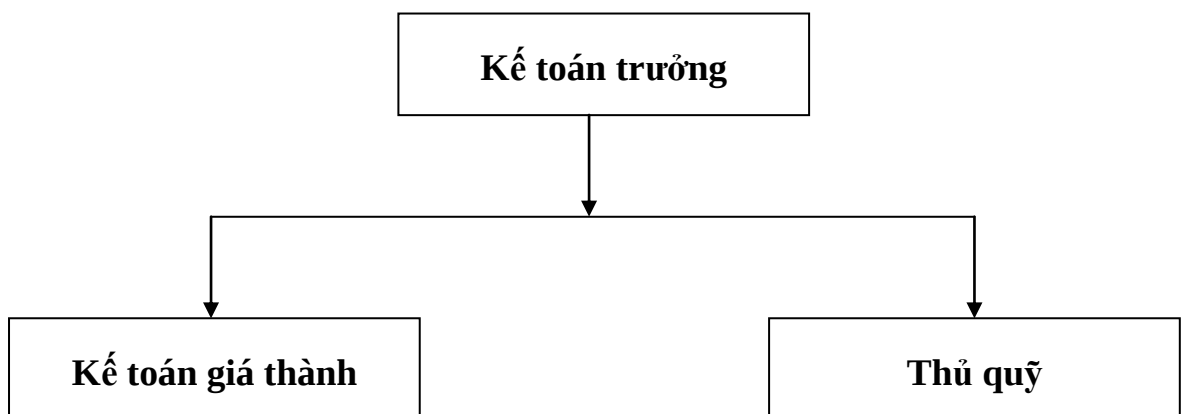
*** Phòng kỹ thuật:** Có chức năng thiết lập và thực hiện mô hình dịch vụ kỹ thuật theo định hướng của công ty; thực hiện dịch vụ sau bán hàng nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng; nghiên cứu xây dựng mức giá sản phẩm và dịch vụ hợp lý phù hợp với từng thời điểm; xây dựng chiến lược về phát triển khách hàng, doanh thu, kỹ thuật.

2.1.3. Công tác kế toán trong công ty

2.1.3.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy tổ chức của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung: Toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán của Công ty. Bộ máy kế toán của Công ty trực tiếp theo dõi và hạch toán, nắm chắc tình hình tài chính về vốn tài sản của Công ty.

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty



***Kế toán trưởng :** có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán, chỉ đạo trực tiếp toàn bộ nhân viên kế toán trong công ty, làm tham mưu

cho giám đốc về các hoạt động kinh doanh, tổ chức kiểm tra kế toán nội bộ trong công ty. Khi quyết toán được lập xong, kế toán trưởng có nhiệm vụ thuyết minh và phân tích, giải thích kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm về mọi số liệu ghi trong bảng quyết toán, nộp đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính theo quy định.

***Thủ quỹ :** quản lý tiền mặt của công ty, thu và chi tiền mặt khi có lệnh. Hàng tháng phải kiểm kê số tiền thu hiện thu và chi đối chiếu với sổ sách các bộ phận có liên quan.

***Kế toán giá thành:** Phản ánh đầy đủ, kịp thời toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh; tính toán hợp lý giá thành công tác xây lắp, các sản phẩm lao vụ hoàn thành của doanh nghiệp.

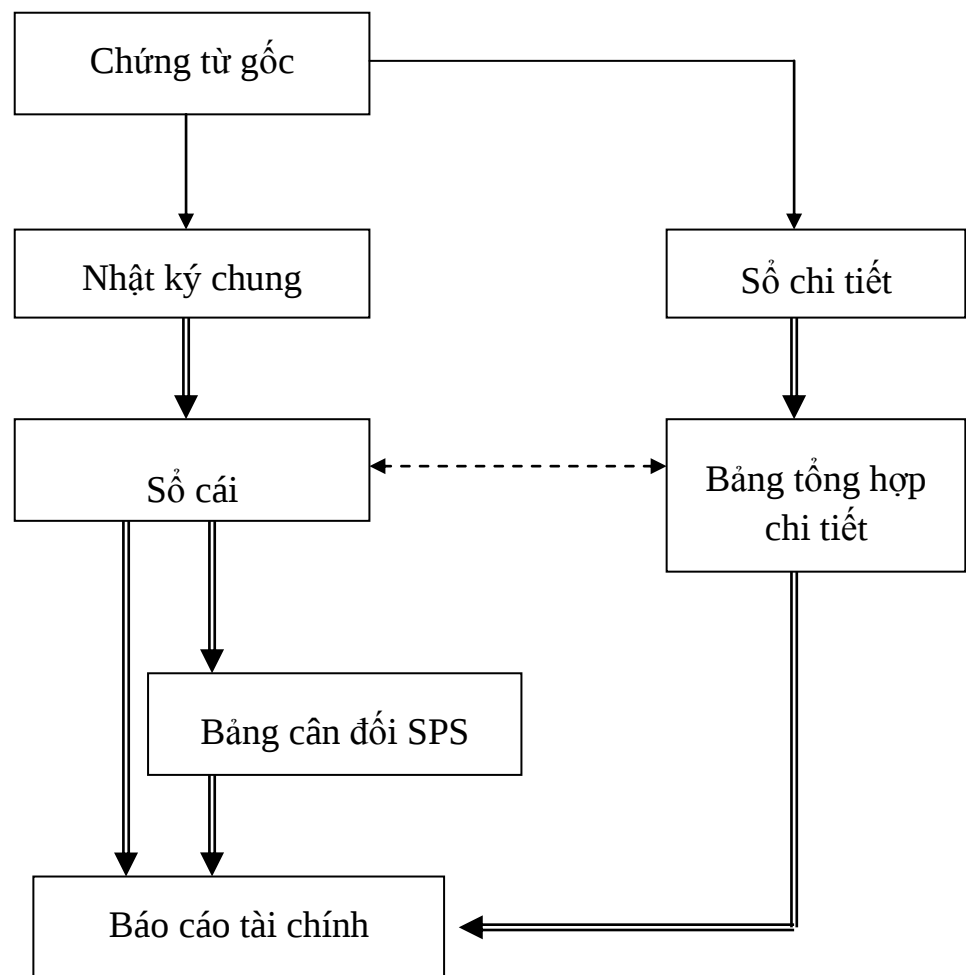
2.1.3.2. Hình thức kế toán và sổ sách áp dụng

Công ty TNHH An Minh Thịnh cũng như tất cả các doanh nghiệp khác đã coi hạch toán là công cụ để quản lý kinh doanh, quản lý tài sản và thực hiện hạch toán kinh tế. Hệ thống sổ sách kế toán và quy trình hạch toán kế toán tại công ty theo đúng quy định của bộ tài chính ban hành đó là những thông tư, nghị định quy định và hướng dẫn về kế toán do cơ quan quản lý nhà nước về kế toán hoặc tổ chức được quyền ban hành. Cụ thể công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: VNĐ
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp KCTX
- Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Khấu hao đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Tính theo phương pháp khấu trừ.
- Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 năm N đến 31 tháng 12 năm N.

Quá trình hạch toán kế toán và ghi sổ kế toán của công ty áp dụng theo hình thức nhật ký chung.

Sơ đồ 2.3: Trình tự hạch toán theo hình thức nhật ký chung



Ghi chú: Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng: $\Longrightarrow$

Đối chiếu kiểm tra: $\longleftrightarrow$

2.1.4. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm tại Công ty

2.1.4.1. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

a, Phân loại chi phí sản xuất

Do tính chất của Công ty mà chi phí sản xuất của Công ty bao gồm nhiều loại, nhiều thứ khác nhau. Để thuận tiện cho công tác quản lý, hạch

toán, kiểm tra chi phí cũng như việc ra quyết định kinh doanh, chi phí sản xuất ở công ty được phân loại theo mục đích và công dụng, bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp : Là toàn bộ các khoản chi phí về nguyên vật liệu như cát, đá, xi măng, cáp điện,...

- Chi phí nhân công trực tiếp: gồm chi phí tiền lương, phụ cấp của công nhân trực tiếp thi công công trình.

- Chi phí sản xuất khác : gồm chi phí thí nghiệm thiết bị điện, chi phí vận chuyển, chi phí công cụ dụng cụ ,...

b, Phân loại giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm là toàn bộ chi phí tính bằng tiền để hoàn thành khối lượng xây lắp theo quy định. Trong Công ty giá thành sản phẩm được phân thành giá thành dự toán và giá thành thực tế.

- Giá thành dự toán: là tổng số chi phí dự toán để hoàn thành công trình.

- Giá thành thực tế: là toàn bộ các chi phí thực tế để hoàn thành bàn giao công trình mà đơn vị đã thi công. Giá thành thực tế được xác định theo số liệu kế toán.

2.1.4.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm.

a, Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Việc xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên cần thiết của công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Có xác định đúng đắn đối tượng hạch toán chi phí sản xuất phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm mới giúp cho công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng như công tác quản lý đạt hiệu quả cao.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất của Công ty được xác định là từng đơn hàng.

b, Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Do đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đơn hàng chính vì vậy đối tượng tính giá thành mà công ty xác định là sản phẩm cụ thể của từng đơn đặt hàng.

2.1.4.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm

**Kỳ tính giá thành:*

Kỳ tính giá thành là thời kỳ mà bộ phận kế toán cần phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng cần tính giá thành.

Công ty chỉ tiến hành tính giá khi đơn hàng hoàn thành nên kỳ tính giá thành thường không thống nhất với kỳ báo cáo. Đối với những đơn hàng đến kỳ kế toán mà chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp theo đơn hàng đó đều coi là chi phí dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ sau. Còn những đơn hàng đã hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp theo đơn hàng đó sẽ được tính vào giá thành sản xuất của đơn hàng.

Công ty xác định kỳ tính giá thành là kể từ khi bắt đầu nhận đơn hàng cho đến khi hoàn thành đơn hàng.

Kỳ tính giá thành tùy thuộc vào từng đơn đặt hàng mà doanh nghiệp nhận được.

** Phương pháp tính giá thành sản phẩm :*

Do đặc điểm loại hình sản xuất, sản phẩm của công ty là những đơn đặt hàng do vậy phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp theo đơn đặt hàng. Đặc điểm của phương pháp này là tính giá thành riêng biệt theo từng đơn đặt hàng nên việc tổ chức công tác kế toán chi phí phải được chi tiết hóa theo từng đơn đặt hàng.

2.2. Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất tại công ty TNHH AN Minh Thịnh

Do phạm vi hoạt động của công ty tương đối rộng, thực hiện nhiều đơn hàng nên trong khuôn khổ đề tài này em xin lấy số liệu của công trình “Lắp đặt tuyến cáp ngầm 35Kv và TBA 1600 KVA - DNTN đúc hợp kim Phương Anh ” làm ví dụ minh họa. Công trình được khởi công từ ngày 10/05/2012 và kết thúc ngày 31/07/2012.

2.2.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty TNHH An Minh Thịnh

Chi phí NVL trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên việc hạch toán chi phí NVL, quản lý NVL là vô cùng quan trọng, nó ảnh hưởng lớn tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hiểu rõ tầm quan trọng đó công ty luôn chú trọng tới việc hạch toán quản lý NVL từ khâu thu mua, vận chuyển tới quá trình sản xuất thi công ở công trường. Căn cứ vào khối lượng dự toán công trình, căn cứ vào tình hình sử dụng vật tư và tình hình tổ chức sản xuất... cũng như nhiều yếu tố có liên quan khác để kịp thời đưa ra định mức thi công và sử dụng NVL cho từng kỳ.

Các công trình thi công của công ty thường ở xa trụ sở của công ty, việc đi lại giữa các cơ sở gặp rất nhiều khó khăn nên công ty không tiến hành nhập kho NVL rồi xuất dùng khi cần mà NVL chủ yếu mua ngoài sử dụng ngay không qua nhập kho. Vật tư mua ngoài chuyển thẳng tới công trường thi công và thuộc trách nhiệm quản lý của đội trưởng công trình, hạng mục công trình thi công.

➤Hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- Chứng từ sử dụng:

+Hóa đơn GTGT

- +Phiếu chi
- +Giấy đề nghị thanh toán
- +Các chứng từ khác có liên quan

- Tài khoản sử dụng: Công ty sử dụng tài khoản 1541 "Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp" dùng để tập hợp chi phí NVLTT dùng cho sản xuất sản phẩm xây lắp phát sinh trong kỳ. Công ty mở sổ chi tiết cho TK1541 theo từng công trình.

- Sổ sách sử dụng:

- +Sổ nhật ký chung
- +Sổ cái TK 154
- +Sổ cái TK có liên quan
- +Sổ chi tiết TK 1541

➤ Nội dung hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí NVLTT dùng trong quá trình thi công tại công ty gồm nhiều loại ,ví dụ như: gạch, đá, xi măng, cát,cột điện, cáp điện, máy biến áp,... Việc tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tập hợp cho từng đơn hàng . Để đảm bảo việc sử dụng vật tư đúng mức cần căn cứ vào khối lượng dự toán công trình, tình hình sử dụng vật tư và tình hình tổ chức sản xuất... để kịp thời đưa ra định mức thi công và sử dụng NVL cho từng kỳ.Căn cứ vào Hoá đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ và một số chứng từ khác có liên quan kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung đồng thời vào sổ chi tiết TK 1541. Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 154 và sổ cái các tài khoản có liên quan.

Ví dụ: Ngày 06/07/2012 phát sinh nghiệp vụ mua máy biến áp 1600KvA phục vụ cho công trình lắp đặt tuyến cáp ngầm 35Kv và TBA 1600 KvA - DNTN đúc hợp kim Phương Anh tổng tiền thanh toán 836.308.000 (VAT 10%).

Biểu số 2.2

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THUẬN PHÁT

Địa chỉ : Số 9, Ngõ 12 Trần Quốc Hoàn, Cầu giấy, Hà Nội

Tel/Fax: 04.37931235

Email: codien.thuanphat@gmail.com

Số tài khoản “ 22010000171848 Ngân hàng Đầu tư và phát triển Thăng Long

Mã số thuế: 0102700603

HOÁ ĐƠN (GTGT)

Liên 2 : Giao khách hàng

Ngày 6 tháng 7 năm 2012

Mẫu số : 01 GTKT-3LL-01

Ký hiệu: AA/2010T

Số HĐ: 0000191

Họ và tên người mua hàng:.....

Tên đơn vị: Công ty TNHH An Minh Thịnh

Địa chỉ: Tân Dương, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK

MST: 0200816772

STT	Tên hàng hoá,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Máy biến áp dầu 3 pha 1600KvA- 35(22)/0,66/0,4KV MS: 125020-01	Máy	01	760.280.000	760.280.000
Cộng tiền hàng :					760.280.000
Thuế suất GTGT : 10 %				Tiền thuế GTGT	76.028.000
Tổng tiền thanh toán :					836.308.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám trăm ba mươi sáu triệu ba trăm lẻ tám nghìn đồng chẵn					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký ,ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn

Biểu số 2.3

Công ty TNHH An Minh thịnh

No: 14

Nợ	Có

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày : 06/07/2012

Người giao hàng:

Lý do nhập: Nhập kho vật liệu

STT	Tên hàng hoá	Mã hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy biến áp 1600KvA- dầu 3 pha	MBA1600	Máy	1	760.280.000	760.280.000
Tổng cộng						760.280.000

Ngày tháng năm 20..

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH An Minh Thịnh)

Biểu số 2.4

Công ty TNHH AN Minh thịnh

No: 20

Nợ	Có

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày : 20/07/2012

Người nhận hàng:

Lý do xuất: Xuất VL công trình TBA 1600-Phuong Anh

Nơi xuất: Kho vật liệu

STT	Tên hàng hoá	Mã hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy biến áp 1600KvA- dầu 3 pha	MBA1600	Máy	1	760.280.000	760.280.000
2	Cáp Cu 1x240	CU 1x240	Mét	100	485.000	48.500.000
Tổng cộng						808.780.000

Ngày tháng năm 2012

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH An Minh Thịnh)

Biểu số 2.5**Công ty TNHH An Minh Thịnh**

Địa chỉ: Đội 4B- Tân Dương –Thủy Nguyên –Hải Phòng

Mẫu số:S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG**NĂM 2012**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT					NỢ	CÓ
.....								
06/07/12	PN 14	06/07/12	Nhập kho MBA 1600 KvA			152 133 331	760.280.000 76.028.000	836.308.000
....					...			
20/07/12	PX 20	20/07/12	Xuất MBA 1600KvA và cáp Cu 1x240 cho công trình Phương Anh			1541 152	808.780.000	808.780.000
.....								
			Cộng lũy kế				76.061.638.791	76.061.638.791

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ,tên)**Kế toán trưởng**
(Ký và ghi rõ họ,tên)**Giám đốc**
(Ký và ghi rõ họ,tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH An Minh Thịnh)

Biểu số 2.6**Công ty TNHH An Minh Thịnh**

Địa chỉ: Đội 4B- Tân Dương –Thủy Nguyên –Hải Phòng

Mẫu số: S36 - DNN(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 1541

Công trình lắp đặt tuyến cáp ngầm 35Kv và MBA 1600KvA-Phương Anh

CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra					
SH	NT			Nợ	Có	Cáp Cu 1x240	MBA 1600 KvA	Cầu dao 35 Kv	...	Cột điện LT 16D	Đá 1x2
		SĐĐK									
											
PX 17	31/05/12	Xuất vật tư cho CT Phương Anh		87.900.000		58.800.000				12.100.000	
											
PX 20	20/07/12	Xuất vật tư cho CT Phương Anh		808.780.000		48.500.000	760.280.000				
											
		Cộng phát sinh		1.010.888.725	1.010.888.725						
		SĐCK									

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH An Minh Thịnh)

2.2.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty TNHH An Minh Thịnh

➤ Hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- Chứng từ sử dụng:

+ Bảng thanh toán lương

+ Bảng chấm công

+ Hợp đồng lao động

- Tài khoản sử dụng: Công ty sử dụng tài khoản 1542 "Chi phí nhân công trực tiếp" dùng để tập hợp chi phí nhân công trực tiếp tham gia sản xuất sản phẩm xây lắp. Chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty TNHH An Minh Thịnh được hạch toán theo từng đơn hàng.

- Sổ sách sử dụng:

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK154

+ Sổ khác có liên quan

➤ Nội dung hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty TNHH An Minh Thịnh

Chi phí nhân công trực tiếp của Công ty TNHH An Minh Thịnh là lương công nhân trực tiếp tham gia thực hiện thi công công trình, hạng mục công trình.

Trong công ty, công nhân trực tiếp sản xuất gồm: công nhân biên chế và công nhân hợp đồng, trong đó số công nhân hợp đồng nhiều hơn số công nhân trong biên chế. Đây là vấn đề thường thấy trong các công ty xây lắp nhằm hạn chế chi phí tiền lương trong giai đoạn không thi công công trình.

Hình thức trả lương cho lao động trực tiếp mà doanh nghiệp áp dụng là giao khoán từng khối lượng công trình hoàn thành và khoán gọn công việc.

Đối với công việc giao khoán cho các đội sản xuất thì cơ sở tính lương cho người lao động hàng tháng là các bảng chấm công và các hợp đồng lao động. Trên hợp đồng lao động phải ghi rõ họ tên người nhận khoán, đơn giá một ngày công... Khi công việc hoàn thành phải có biên bản nghiệm thu bàn giao công việc với sự có mặt của giám sát kỹ thuật, đội trưởng và người nhận khoán. Trong quá trình thi công, đội trưởng theo dõi số ngày làm việc trong tháng của từng công nhân và ghi vào bảng chấm công để làm căn cứ tính tiền lương khoán cho cả tổ.

Theo phương thức này tiền lương của một công nhân sản xuất được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền lương làm} \\ \text{khoán của một} \\ \text{công nhân} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{một ngày} \\ \text{công} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số công làm} \\ \text{việc trong tháng} \end{array}$$

Công ty không tiến hành trích các khoản trích theo lương đối với công nhân trực tiếp thi công công trình, hạng mục công trình.

Căn cứ vào chứng từ gốc như bảng chấm công, hợp đồng giao khoán, bảng thanh toán lương... kế toán tiến hành ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung và sổ chi tiết TK 1542. Sau đó từ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 154.

Ví dụ: *Tính lương tháng 6 cho công nhân xây lắp, lương một ngày công là 190.000 đ/ngày công.*

Biểu số 2.7

Công ty TNHH An Minh Thịnh

BẢNG CHẤM CÔNG CỦA BỘ PHẬN XÂY LẮP CÔNG TRÌNH**Công trình: Phương Anh****Thời gian: từ 10/05/2012 đến 31/07/2012**

STT	Họ và tên	Ngày																	Tổng
		10/5	11/5	12/5	13/5	...	...	27/6	28/6	29/6	30/6	1/7	...	...	28/7	29/7	30/7	31	
					CN							CN				CN			
1	Vũ văn Hoàng	x	x	x				x	x	x	x				x		x	x	71
2	Lê Văn Lâm	x	x	x				x	x	x	x				x		x	x	71
3	Đỗ Hữu Quốc	x	x	x				x	x	x	x				x		x	x	71
4	Lê Thị Hạnh	x	x	x				x	x	x	x				x		x	x	71
5	Phạm Đình Hoài	x	x	x				x	x	x	x				x		x	x	71
....																			
47	Phạm Thị Lương	x	x	x				x	x	x	x				x		x	x	71
48	Bùi Thị Hằng	x	x	x				x	x	x	x				x		x	x	71
49	Phạm Thu Trang	x	x	x				x	x	x	x				x		x	x	71
50	Nguyễn Mạnh Hùng	x	x	x				x	x	x	x				x		x	x	71
51	Nguyễn Duy Tùng	x	x	x				x	x	x	x				x		x	x	71
52	Nguyễn Thị Hải Yến	x	x	x				x	x	x	x				x		x	x	71
	Tổng cộng																		3.550

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH An Minh Thịnh)

Biểu số 2.8

Công ty TNHH An Minh Thịnh

**BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG BỘ PHẬN XÂY LẮP CÔNG TRÌNH
THÁNG 6/2012**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương 1 ngày công	Số công	Thành tiền	Ký tên
1	Vũ Văn Hoàng	Giám sát thi công		26	5.700.000	
2	Lê Văn Lâm	Kỹ sư		26	5.700.000	
3	Đỗ Hữu Quốc	Công nhân	190.000	26	4.940.000	
4	Lê Thị Hạnh	Công nhân	190.000	26	4.940.000	
5	Phạm Đình Hoài	Công nhân	190.000	26	4.940.000	
...						
47	Phạm Thị Lương	Công nhân	190.000	26	4.940.000	
48	Bùi Thị Hằng	Công nhân	190.000	26	4.940.000	
49	Phạm Thu Trang	Công nhân	190.000	26	4.940.000	
50	Nguyễn Mạnh Hùng	Công nhân	190.000	26	4.940.000	
51	Nguyễn Duy Tùng	Công nhân	190.000	26	4.940.000	
52	Nguyễn Thị Hải Yến	Công nhân	190.000	26	4.940.000	
	Tổng cộng				258.400.000	

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ...tháng ... năm 20...
Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH An Minh Thịnh)

Biểu số 2.9**Công ty TNHH An Minh Thịnh**

Địa chỉ: Đội 4 B – Tân Dương – Thủy Nguyên - HP

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2012**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
.....								
30/06/12	BL 6	30/06/12	Tính lương tháng 6			642 1542 334	38.600.000 258.400.000	297.000.000
30/06/12	PC 65	30/06/12	Thanh toán tiền lương T6			334 111	297.000.000	297.000.000
.....								
			Cộng lũy kế				76.061.638.791	76.061.638.791

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH An Minh Thịnh)

Biểu số 2.10**Công ty TNHH An Minh Thịnh**

Địa chỉ: Đội 4 B – Tân Dương – Thủy Nguyên - HP

Mẫu số: S36-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 1542

Công trình lắp đặt tuyến cáp ngầm 35Kv và MBA 1600KvA-Phương Anh

CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra	
SH	NT			Nợ	Có	Lương	Các khoản trích theo lương
		SĐĐK					
							
BL 6	30/06/12	Lương bộ phận xây lắp công trình T6	334	258.400.000		258.400.000	
							
		Cộng phát sinh		708.700.000	708.700.000		
		SDCK					

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký và ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH An Minh Thịnh)

2.2.3. Hạch toán chi phí sản xuất khác tại công ty TNHH An Minh Thịnh

➤ Hệ thống chứng từ ,tài khoản,sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí sản xuất khác phát sinh tại công trình.

- Chứng từ sử dụng:

+HĐ GTGT

+Phiếu thu,phiếu chi

+Bảng phân bổ CCDC,...

-Tài khoản sử dụng: Công ty sử dụng tài khoản 1543 “ Chi phí sản xuất khác” để tập hợp các khoản chi phí khác ngoài chi phí NVL,NC phát sinh trong từng đơn hàng.

-Sổ sách sử dụng:

+Sổ nhật ký chung

+Sổ cái TK 154

+Sổ khác có liên quan

➤ Nội dung hạch toán chi phí sản xuất khác tại công ty TNHH An Minh Thịnh

Chi phí khác của công ty bao gồm chi phí CCDCC, chi phí thí nghiệm thiết bị điện,chi phí vận chuyển,...được theo dõi và hạch toán theo từng đơn đặt hàng.Căn cứ vào HĐ GTGT ,phiếu chi và một số chứng từ khác kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung đồng thời vào sổ chi tiết 1543.Từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 154 và sổ cái TK có liên quan

✓Chi phí thí nghiệm thiết bị điện

Ví dụ : Ngày 10/7/2012 ,công ty thanh toán tiền Thí nghiệm thiết bị điện công trình Phương Anh cho công ty Điện lực Hải Phòng với tổng giá thanh toán là 24.320.000 đồng(chưa có VAT 10%) bằng chuyển khoản.

Biểu số 2.11

CÔNG TY TNHH Điện lực Hải Phòng
Mã số thuế: 0200340211
Địa chỉ : Số 9 Trần Hưng Đạo –Q.Hồng Bàng –TP.Hải Phòng
Điện thoại: 031.2210206 – 031.2210297 * Fax: 031.2810409

Mẫu số : 01
GTKT3/001
Ký hiệu:
AA/11T
Số HĐ: 0005713

HOÁ ĐƠN (GTGT)
Liên 2 : Giao khách hàng
Ngày 10 tháng 7 năm 2012

Đơn vị bán hàng:

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Tài khoản:

Công ty Điện lực Hải Phòng
Trung tâm thí nghiệm điện khu liên
cơ An Lạc-Hồng Bàng - Hải Phòng
Mã số thuế: 0200340211

Điện thoại:

Họ và tên người
hàng:.....

Tên đơn vị: Công ty TNHH An Minh Thịnh

Địa chỉ: Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK

MST: 0200816772

STT	Tên hàng hoá,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thí nghiệm thiết bị điện				24.320.000
Cộng tiền hàng :					24.320.000
Thuế suất GTGT : 10 %				Tiền thuế GTGT	2.432.000
Tổng tiền thanh toán :					26.752.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký ,ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn

Biểu số 2.12**Công ty TNHH An Minh Thịnh**

Địa chỉ: Đội 4 B – Tân Dương – Thủy Nguyên - HP

Mẫu số 02-TT

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

PHIẾU CHI

Ngày : 10/07/2012

Số : PC 28

TK ghi nợ: 1543 24.320.000**TK ghi có:** 1331 2.432.000

112 26.752.000

Họ tên người nhận tiền:**Địa chỉ:** Công ty TNHH An Minh Thịnh**Lý do thu:** Trả tiền thí nghiệm thiết bị điện**Số tiền:** 26.752.000 đ**Viết bằng chữ :** Hai mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng**Kèm theo** Chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 07 năm 2012

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)**Kế toán trưởng**
(Ký và họ, tên)**Người lập
phiếu**
(Ký và họ, tên)**Thủ quỹ**
(Ký và họ, tên)**Người nộp
tiền**
(Ký và họ, tên)

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ): Mười chín triệu đồng chẵn

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng,bạc,đá quý):.....

+Số tiền quy đổi :

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

✓Chi phí công cụ dụng cụ

Đó là những dụng cụ sản xuất sử dụng chung cho hoạt động xây lắp của Công ty. Do hầu hết các công cụ dụng cụ sử dụng tại Công ty là công cụ lao động có giá trị và giá trị sử dụng nhỏ , được phân bổ theo từng đơn hàng.Toàn bộ công cụ dụng cụ xuất dùng cho đơn hàng nào thì tính vào chi phí của đơn hàng đó và được hạch toán chung trên TK 153. Nếu trong tháng có nhiều đơn hàng thì kế toán sẽ tiến hành phân bổ chi phí công cụ cho từng đơn hàng.

Ví dụ : Trong tháng 7 vẫn tiến hành làm một công trình Phương Anh nên kế toán phân bổ chi phí công cụ dụng cụ cho đơn hàng này.

Biểu số 2.13**Công ty TNHH An Minh Thịnh****BẢNG PHÂN BỐ CÔNG CỤ DỤNG CỤ THÁNG 7/2012**

Tên CCDC	Thời gian phân bổ (năm)	Số đầu năm			Số phân bổ tháng 7
		Nguyên giá	Số phân bổ	Giá trị còn lại	
Máy khoan(4c)	5	24.000.000	9.200.000	14.800.000	400.000
Máy đột dập	5	37.000.000	14.183.341	22.816.659	616.667
Máy cắt bê tông	5	25.000.000	9.583.341	15.416.659	416.667
Đầm cóc	5	15.000.000	5.750.000	9.250.000	250.000
Păng xích + tó	5	10.000.000	3.833.341	6.166.659	166.667
Máy hàn khí (01)	5	7.000.000	3.833.341	3.166.659	166.667
Máy Fax	5	2.500.000	958.341	1.541.659	41.667
Kết sắt (01)	5	2.500.000	958.341	1.541.659	41.667
Máy hàn nhỏ (02)	5	9.000.000	3.450.000	5.550.000	150.000
Máy hàn to (02)	5	12.000.000	4.600.000	7.400.000	200.000
Máy cắt (03)	5	6.000.000	2.300.000	3.700.000	100.000
Cộng		150.000.000	58.650.046	91.349.954	2.550.002

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH An Minh Thịnh)

Biểu số 2.14

Công ty TNHH AN Minh Thịnh

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 19

Ngày 31 tháng 7 năm 2012

TT	Nội dung chứng từ	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Phân bổ CCDC bộ phận xây lắp	1543	153	2.550.002
	Cộng			2.550.002

Kèm theo

Chứng từ gốc

Ngày tháng năm

Người lập
(Ký ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký ghi rõ họ tên)

✓ Chi phí vận chuyển công trình

Ví dụ: Ngày 20/07/2012 công ty thanh toán tiền cước vận chuyển công trình Phương Anh cho công ty TNHH TM DV Toàn Thắng số tiền 9.500.000 đ chưa có VAT 10%.

Biểu số 2.15

HOÁ ĐƠN (GTGT)
Liên 2 : Giao khách hàng
Ngày 20 tháng 7 năm 2012

Mẫu số : 01 GTKT3/001
Ký hiệu: AA/11T
Số HĐ: 0000867

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM DV Toàn Thắng

Mã số thuế: 0200575090

Địa chỉ: Thôn My Sơn – Xã Ngũ Lão – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Điện thoại: 031.875.413

Tài khoản:

Họ và tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH An Minh Thịnh

Địa chỉ: Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK

MST: 0200816772

ST T	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Cước vận chuyển				9.500.000
Cộng tiền hàng :					9.500.000
Thuế suất GTGT : 10 %				Tiền thuế GTGT	950.000
Tổng tiền thanh toán :					10.450.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn

Biểu số 2.16

Công ty TNHH An Minh Thịnh

Mẫu số 02-TT

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

PHIẾU CHI

Ngày : 20/07/2012

Số : PC 32

TK ghi nợ: 1543 9.500.000

TK ghi có: 133 950.000

111

10.450.000

Họ tên người nhận tiền:

Địa chỉ: Công ty TNHH An Minh Thịnh

Lý do thu: Trả tiền cước vận chuyển

Số tiền: 10.450.000 đ

Viết bằng chữ : Mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng

Kèm theo Chứng từ gốc

Ngày 20 tháng 07 năm 2012

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký và họ, tên)	Người lập phiếu (Ký và họ, tên)	Thủ quỹ (Ký và họ, tên)	Người nộp tiền (Ký và họ, tên)
--	--	---	-----------------------------------	--

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ): Mười chín triệu đồng chẵn

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng,bạc,đá quý):.....

+Số tiền quy đổi :

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.17**Công ty TNHH An Minh Thịnh**

Địa chỉ: Đội 4 B – Tân Dương – Thủy Nguyên - HP

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2012**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
.....								
10/07/12	PC 28	10/07/12	Trả tiền thí nghiệm thiết bị điện công trình Phương Anh			1543 133 112	24.320.000 2.432.000	26.752.000
.....								
20/07/12	PC 32	20/07/12	Trả tiền cước vận chuyển CT Phương Anh			1543 133 111	9.500.000 950.000	10.450.000
.....								
31/07/12	19	31/07/12	Phân bổ CCDC bộ phận xây lắp			1543 153	2.550.002	2.550.002
.....								
			Cộng lũy kế				76.061.638.791	76.061.638.791

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH An Minh Thịnh)

Biểu số 2.18

Công ty TNHH An Minh Thịnh
Địa chỉ: Đội 4 B – Tân Dương – Thủy Nguyên - HP

Mẫu số: S36 - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 1543

Công trình lắp đặt tuyến cáp ngầm 35Kv và MBA 1600KvA-Phương Anh

CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra		
SH	NT			Nợ	Có	Thí nghiệm thiết bị điện	Cước vận chuyển	Phận bổ CCDC
		SĐĐK						
								
PC 28	10/07/12	Trả tiền thí nghiệm thiết bị điện	112	24.320.000		24.320.000		
PC 32	20/07/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển	111	9.500.000			9.500.000	
72	31/07/12	Phân bổ CCDC bộ phận xây lắp	153	2.550.002				2.550.002
								
		Cộng phát sinh		41.470.006	41.470.006			
		SĐCK						

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH An Minh Thịnh)

2.2.4. Tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH An Minh Thịnh

➤Hệ thống chứng từ ,tài khoản,sổ sách sử dụng để tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

-Chứng từ sử dụng :

+Phiếu kế toán

+Bảng tính giá thành

-Sổ sách sử dụng:

+Sổ nhật ký chung

+Sổ cái TK 154

+Sổ cái TK 632

-Tài khoản sử dụng:

+TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

+TK 632: Giá vốn hàng bán

➤Nội dung tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty TNHH An Minh Thịnh

Khi công trình được hoàn thành,kế toán kết chuyển các chi phí phát sinh trong kỳ: chi phí nguyên vật liệu, trực tiếp,chi phí nhân công, chi phí khác có liên quan vào TK 632

Ví dụ: Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình Phương Anh

Biểu số 2.19

Công ty TNHH An Minh Thịnh

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 20

STT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền	
		Nợ	Có	Nợ	Có
1	Tập hợp CPNVLT	1541	632	1.010.888.725	1.010.888.725
2	Tập hợp NCTT	1542	632	708.700.000	708.700.000
3	Tập hợp chi phí khác	1543	632	41.470.006	41.470.006
	Cộng			1.761.058.731	1.761.058.731

Ngày ... tháng ... năm 20..

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH An Minh Thịnh)

Biểu số 2.20**Công ty THNN AN Minh Thịnh****BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH**

Tên công trình: Lắp đặt tuyến cáp ngầm 35Kv và TBA 1600KvA – DNTN đúc hợp kim Phương Anh

Khoản mục chi phí sản xuất	T5	T6	T7	Giá sản phẩm ,dịch vụ trong kỳ	
				Giá thành	Giá thành đơn vị
Nhân công	191.900.000	258.400.000	258.400.000	708.700.000	
Máy biến áp 1600 KvA			760.280.000	760.280.000	
Cáp Cu 1x240	58.800.000		48.500.000	107.300.000	
Cáp Cu 3x240	17.000.000			17.000.000	
Sứ PI 35Kv		8.000.000		8.000.000	
Cột điện LT 16C	11.880.000			11.880.000	
Cột điện LT 16D	12.100.000			12.100.000	
Cầu dao 35KV		8.950.000		8.950.000	
Cột điện li tâm 16mB		23.450.910		23.450.910	
Cột điện li tâm 16B		20.886.000		20.886.000	
Cát		9.600.000		9.600.000	
Xi măng		18.181.815		18.181.815	
Gạch		9.960.000		9.960.000	
Đá 1x2		3.300.000		3.300.000	
Thí nghiệm thiết bị điện			24.320.000	24.320.000	
Cước vận chuyển			9.500.000	9.500.000	
Chi phí CCDC	2.550.002	2.550.002	2.550.002	7.650.006	
Tổng cộng	294.230.002	363.278.727	1.103.550.002	1.761.058.731	

Ngày ... tháng ... năm 20...

Biểu số 2.21**Công ty TNHH An Minh Thịnh**

Địa chỉ: Đội 4 B – Tân Dương – Thủy Nguyên - HP

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2012**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
.....								
31/07/12	20	31/07/12	Tập hợp chi phí sản xuất CT Phương Anh			632 1541 1542 1543	1.761.058.731	1.010.888.725 708.700.000 41.470.006
.....								
			Cộng lũy kế				76.061.638.791	76.061.638.791

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký và ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH An Minh Thịnh)

Biểu số 2.22**Công ty TNHH An Minh Thịnh**

Địa chỉ: Đội 4 B – Tân Dương – Thủy Nguyên - HP

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK: 154

Tên TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

NTGS	CT		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			SDĐK		402.947.000	
						
31/07/12	20	31/07/12	Tập hợp chi phí sản xuất CT Phương Anh	632		1.010.888.725 708.700.000 41.470.006
						
			Cộng phát sinh		7.904.043.088	7.712.108.258
			SDCK		94.881.830	

Ngày ... tháng ... năm 20...

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký và ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH An Minh Thịnh)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH AN MINH THỊNH

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty

Công ty TNHH An Minh Thịnh là một doanh nghiệp mới đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng sản phẩm của Công ty đã được khách hàng chấp nhận và tạo được chỗ đứng trên thị trường. Có được kết quả này là nhờ vào nỗ lực phấn đấu của tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của phòng tài chính – kế toán.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, được tìm hiểu và tiếp cận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng, tuy còn hạn chế về khả năng nhận thức và kinh nghiệm thực tế nhưng qua bài viết này, em xin mạnh dạn trình bày một số ý kiến nhận xét, một vài kiến nghị về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình để củng cố và hoàn thiện hơn công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty.

3.1.1 Ưu điểm

Công ty TNHH An Minh Thịnh là một đơn vị kinh doanh có số lượng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên tục và nhiều. Công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được lãnh đạo đơn vị rất quan tâm để phù hợp với tình hình kinh tế thị trường hiện nay và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Trong công tác quản lý, công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm doanh nghiệp đã đạt được những ưu điểm sau:

Thứ nhất, về tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến chức năng có mối quan hệ chỉ đạo từ trên xuống giúp cho Ban lãnh đạo Công ty thuận tiện trong việc quản lý điều hành.
- Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Toàn bộ công tác kế toán tập trung tại phòng kế toán. Chúng từ sau khi được các phòng thu thập, kiểm tra xử lý được gửi về phòng kế toán. Phòng kế toán kiểm tra lại tính chính xác, hợp lệ của chứng từ, tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán. Mô hình này là phù hợp với địa bàn, quy mô vừa và nhỏ của doanh nghiệp, đảm bảo quản lý tập trung và thống nhất công tác kế toán, dễ phân công, xử lý và cung cấp thông tin kịp thời giúp lãnh đạo nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty.
- Bộ máy kế toán tại Công ty với những nhân viên có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán mới và vận dụng một cách linh hoạt vào tình hình tại Công ty. Thêm vào đó, bộ máy kế toán có sự phân nhiệm rõ ràng đối với từng người tạo ra sự ăn khớp nhịp nhàng giữa các phần hành kế toán, nhân viên có tác phong làm việc khoa học, có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc nên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Thứ hai, về hệ thống sổ sách, chứng từ, tài khoản sử dụng: Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại Công ty cơ bản là thực hiện theo đúng quy định của Bộ tài chính ban hành.

Hệ thống sổ sách của Công ty có ưu điểm là đơn giản, gọn nhẹ, không công kênh. Kế toán áp dụng hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản, dễ vận dụng, phù hợp với trình độ năng lực và yêu cầu quản lý của Công ty.

Thứ ba, về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành nhìn chung đã đi vào nề nếp. Việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản

xuất theo đơn đặt hàng và đối tượng tính giá thành là sản phẩm cụ thể của từng đơn hàng là hoàn toàn hợp lý có căn cứ khoa học, phù hợp với điều kiện sản xuất thi công của Công ty, phục vụ tốt cho công tác chỉ đạo sản xuất, quản lý giá thành và việc phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thứ tư, về công tác tập hợp chi phí sản xuất: Đối với khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, Công ty TNHH An Minh Thịnh đã lựa chọn phương pháp kê khai thường xuyên để tiến hành tập hợp chi phí sản xuất là phù hợp với điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay. Phương pháp này giúp kế toán thu thập được thông tin về biến động giá một cách thường xuyên, đầy đủ, kịp thời. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn chú ý tới việc quản lý chặt chẽ các khoản chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ nhằm tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm.

Thứ năm, về công tác tính giá thành: Công ty TNHH An Minh Thịnh áp dụng tính giá thành theo đơn đặt hàng là hoàn toàn hợp lý, xuất phát từ đặc điểm sản xuất kinh doanh ở Công ty. Thêm vào đó, với mục tiêu tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để tiết kiệm nguyên vật liệu, sử dụng tối đa công suất của máy móc, thiết bị sản xuất... Nhờ vậy, hiệu quả sản xuất của Công ty tăng lên rõ rệt.

Những ưu điểm về quản lý và kế toán chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm nêu trên đã có tác dụng tích cực đến việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm xây lắp và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.1.2. Nhược điểm

Mặc dù đã đạt được những thành tựu đáng kể nhưng Công ty cũng không tránh được những khó khăn, tồn tại nhất định, nhất là trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Thứ nhất, về việc theo dõi chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, Công

ty thường không tiến hành nhập kho theo dõi hàng tồn kho mà chuyển thẳng đến chân công trình. Mặt khác do các công trình thường ở xa Công ty nên việc theo dõi, bảo quản nguyên vật liệu không được kiểm tra, giám sát, đánh giá chính xác tình hình sử dụng nguyên vật liệu tại các công trình. Vì thế mà Công ty chưa theo dõi được chính xác số lượng thực tế đưa vào thi công công trình.

Thứ hai, về tiền lương, Công ty trả lương khoán và chưa có chính sách thưởng cho người lao động đồng thời không tiến hành trích các khoản trích theo lương cho người lao động nên chưa khuyến khích được người lao động tích cực hơn trong công việc. Vì vậy, hiệu quả sản xuất chưa cao.

Thứ ba, tại Công ty TNHH An Minh Thịnh, công tác hạch toán kế toán còn được thực hiện thủ công. Công ty chưa ứng dụng phần mềm kế toán máy vào bất kỳ một phần hành kế toán nào. Chính vì vậy đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác kế toán, hiệu quả sản xuất kinh doanh, làm giảm đi sự nhanh chóng, chính xác, đảm bảo thông tin kịp thời cho ban lãnh đạo trong việc điều hành sản xuất kinh doanh ở Công ty. Mặt khác, việc lưu trữ, tra cứu kiểm tra các số liệu kế toán – tài chính cũng khó khăn hơn.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty.

3.2.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty

Mục tiêu của bất cứ doanh nghiệp nào cũng là lợi nhuận mà muốn thu được lợi nhuận cao thì có rất nhiều cách nhưng con đường cơ bản lâu dài là phải hạ thấp giá thành sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm. Muốn hạ thấp giá thành sản phẩm thì doanh nghiệp phải hạ thấp chi phí tức là sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, sử dụng tối đa công suất máy móc, thiết bị và không ngừng nâng cao năng suất lao động. Trong cơ chế thị trường hiện nay mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nhưng cũng đặt ra không ít khó

khẩn, thách thức đòi hỏi các doanh nghiệp phải tự điều chỉnh để thích nghi với môi trường đầy cạnh tranh khốc liệt và biến động.

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cung cấp những thông tin về chi phí sản xuất, giá thành phục vụ cho việc xác định giá thành phẩm tồn kho, giá vốn, giá bán, lợi nhuận.

Yêu cầu của công tác quản lý nói chung, công tác quản lý sản xuất nói riêng đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất một cách chính xác. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất phát sinh không chỉ là việc tổ chức, ghi chép, phản ánh một cách đầy đủ, trung thực về mặt hao phí của từng loại chi phí mà cả về mặt tính toán các chi phí bằng tiền theo đúng nguyên tắc về đánh giá và phản ánh đúng giá trị thực tế của chi phí ở thời điểm phát sinh chi phí. Kế toán chính xác chi phí đòi hỏi phải tổ chức việc ghi chép, tính toán và phản ánh từng loại chi phí sản xuất theo đúng địa điểm phát sinh chi phí và theo đúng đối tượng chịu chi phí.

Bên cạnh đó, chúng ta biết giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Muốn sử dụng chỉ tiêu giá thành sản phẩm vào quản lý, cần thiết phải tổ chức tính đúng, tính đủ giá thành của các loại sản phẩm mà doanh nghiệp sản xuất ra. Tính đúng là tính chính xác và hạch toán đúng nội dung kinh tế của chi phí đã hao phí để sản xuất sản phẩm. Muốn vậy, phải xác định đúng đối tượng tính giá thành, vận dụng phương pháp tính giá thành thích hợp và giá thành phải được tính trên cơ sở số liệu kế toán tập hợp chi phí một cách chính xác. Tính đủ là tính toán đầy đủ mọi hao phí đã bỏ ra trên cơ sở hạch toán kinh doanh để tính đủ đầu vào theo đúng chế độ quy định. Tính đủ cũng đòi hỏi loại bỏ những chi phí không liên quan, cần thiết đến việc sản xuất sản phẩm như : những khoản chi lãng phí không hợp lý, những khoản thiệt hại không được quy trách nhiệm đầy đủ...

Chi phí và giá thành là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng của doanh nghiệp. Vì vậy, việc xác định đúng đủ chi phí, giá thành có ý nghĩa vô cùng to lớn giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn để đạt hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất.

Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành luôn cần được xem xét và đổi mới để phù hợp với điều kiện của Công ty, tìm ra những phương hướng hiệu quả hơn đối với việc xây dựng công cụ tính giá thành đảm bảo mục tiêu tiết kiệm được chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm.

Để đạt được điều này, Công ty TNHH An Minh Thịnh cần có các biện pháp như: tận dụng tối đa công suất làm việc của máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động... Tổ chức tốt công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sẽ giúp doanh nghiệp đưa ra được các quyết định tối ưu. Vì vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành là yêu cầu khách quan, có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển của Công ty.

3.2. 2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH An Minh Thịnh

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

Thứ nhất, đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và qui mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Thứ hai, đảm bảo sự tuân thủ thống nhất, chặt chẽ giữa những qui định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được cao nhất với chi phí thấp nhất.

Thứ tư, đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH An Minh Thịnh

3.2.3.1. Kiến nghị 1: Về việc tập hợp chi phí nguyên vật liệu

Trong thực tế tỷ lệ nguyên vật liệu hao hụt qua quá trình sản xuất ở các công trường của công ty là: 2 - 3 %. Để không lãng phí nguyên vật liệu, cần quản lý sát sao hơn khoản chi phí nguyên vật liệu, Công ty nên áp dụng thêm một số biện pháp sau:

- Theo dõi chặt chẽ các khoản chi phí nguyên vật liệu trên các tài khoản cấp 2 của tài khoản 152 như chế độ kế toán quy định cho các doanh nghiệp xây lắp.
- Thực hiện các biện pháp thưởng phạt công minh đối với việc sử dụng và quản lý nguyên vật liệu.
- Theo dõi sát sao việc sử dụng nguyên vật liệu, so sánh với số liệu định mức trong dự toán để phát hiện kịp thời những hao hụt vượt mức không bình thường và có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời.

Đồng thời công ty nên tiến hành lập bảng theo dõi thực tế nguyên vật liệu sử dụng cho từng công trình:

Biểu số 3.1**Công ty TNHH An Minh Thịnh****BẢNG THEO DÕI THỰC TẾ NGUYÊN VẬT LIỆU SỬ DỤNG**

Tên công trình: Phương Anh

Thời gian: Từ 10/5/2012 đến 31/07/2012

Nguyên liệu được bàn giao							Giá trị NVL còn lại sau kiểm kê	Nguyên vật liệu thực tế đã sử dụng				
Chứng từ		Tên NVL	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Chứng từ		Tên NVL	Số lượng	Thành tiền
SH	NT							SH	NT			
PN 12	15/5/12	Cáp Cu 1x240	m	120	490.000	58.800.000	0	PX 18	25/5/12	Cáp Cu 1x240	120	58.800.000
		Cáp Cu 3x240	m	100	170.000	17.000.000	0			Cáp Cu 3x240	100	17.000.000
		Cột điện LT 16C	Cột	1	11.880.000	11.880.000	0			Cột điện LT 16C	1	11.880.000
		Cột điện LT 16D	Cột	1	12.100.000	12.100.000	0			Cột điện LT 16D	1	12.100.000
		Cột điện LT 16mB	Cột	2	10.443.000	20.886.000	0	PX 19	15/6/12	Cột điện LT 16mB	2	20.886.000
		Cột điện LT 16B	Cột	2	11.725.455	23.450.910	0			Cột điện LT 16B	2	23.450.910
		Cát	M ³	50	192.000	9.600.000	960.000			Cát	50	8.640.000
		Xi măng	Tấn	20	909.091	18.181.815	1.363.636			Xi măng	20	16.818.179
		Gạch	Viên	15.000	664	9.960.000	0			Gạch	15.000	9.960.000
		Đá 1x2	M ³	15	220.000	3.300.000	0			Đá 1x2	15	3.300.000
PN 13	15/6/12	Sứ PI 35Kv	Quả	40	200.000	8.000.000	0	PX 20	20/7/12	Sứ PI 35Kv	40	8.000.000
		Cầu dao 35Kv	Bộ	1	8.950.000	8.950.000	0			Cầu dao 35Kv	1	8.950.000
		Cáp Cu 1x240	m	100	485.000	48.500.000				Cáp Cu 1x240	100	48.500.000
PN 14	6/7/12	Máy biến áp 1600KvA	Máy	1	760.280.000	760.280.000	0			Máy biến áp 1600KvA	1	760.280.000
		Cộng				1.010.888.725	2.323.636					1.008.565.089

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào bảng theo dõi tình hình thực tế nguyên vật liệu sử dụng , ta có bút toán ghi giảm chi phí công trình Phương Anh như sau:

Nợ TK 152 2.323.636

Có TK 154 2.323.636

3.2.3.2. Kiến nghị 2: Về việc xây dựng đội ngũ công nhân cán cốt

Do đặc thù của ngành xây dựng cơ bản là khi công trình hoàn thành bàn giao thì bộ phận công nhân trực tiếp sẽ di chuyển đi vì hết hợp đồng. Như vậy công ty sẽ thiếu hụt đi một nguồn lực lao động trong đó có những lao động chủ chốt cho nên công ty cần xây dựng cho mình một đội ngũ cán bộ công trình cán cốt gắn bó lâu dài với công ty. Đó là những giám sát công trình, kỹ sư công trình, những công nhân có tay nghề cao,... Đồng thời công ty nên tiến hành trích các khoản trích theo lương ,theo tỷ lệ quy định và xây dựng các chế độ khen thưởng phù hợp để tạo mối quan hệ gắn kết giữa họ với doanh nghiệp và tạo sự hưng phấn trong quá trình lao động.

3.2.3.3. Kiến nghị 3: Về việc hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán.

Tại công ty TNHH An Minh Thịnh , công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao hàng tháng cho TSCĐ,.. Vì vậy công ty cần trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán SAS INNOVA của Công ty cổ phần SIS Việt Nam.
- Phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA.
- Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING của Công ty cổ phần FAST Việt Nam;...

Khi sử dụng các phần mềm này, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác và kịp thời. Thêm vào đó là tiết kiệm được sức lao động mà hiệu quả công việc vẫn cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản cũng thuận lợi và an toàn hơn.

KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một vấn đề vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tế cao. Để kế toán phát huy hết hiệu quả của mình trong quản lý kinh tế, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm nói riêng là một tất yếu khách quan.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, trên cơ sở kiến thức, phương pháp luận đã thu nhận được ở nhà trường kết hợp với tình hình thực tế ở Công ty, bài viết này của em đã khái quát được lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, nắm bắt được thực tế công tác tổ chức hạch toán kế toán tại Công ty TNHH An Minh Thịnh, nhận xét, đánh giá và mạnh dạn đưa ra những tồn tại và đề xuất một số ý kiến nhằm khắc phục những hạn chế trong công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty với mong muốn góp phần vào việc củng cố, hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên do thời gian, trình độ cũng như nhận thức của bản thân còn hạn chế nên bài khoá luận này của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo và các cô, các bác trong phòng kế toán Công ty để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Cô giáo TS.Nguyễn Thị My, cảm ơn các cô, các bác trong phòng kế toán của Công ty TNHH An Minh Thịnh cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Phạm Hồng Nhung